

**HỘI NHẬP QUỐC TẾ
VÀ ĐÁNH GIÁ NỀN KINH TẾ VIỆT NAM
TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

**TS. Phan Thế Công – Khoa Kinh tế & Luật
Đại học Thương mại
Email: congpt@vcu.edu.vn
ĐT: 0966653999**

Khái niệm Hội nhập quốc tế

Hội nhập quốc tế được hiểu như quá trình các nước tiến hành các hoạt động tăng cường sự liên kết họ với nhau dựa trên sự chia sẻ về lợi ích, mục tiêu, giá trị, nguồn lực, quyền lực (thẩm quyền định đoạt chính sách) và tuân thủ các luật chơi chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế.



Hội nhập Kinh tế quốc tế

Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình gắn kết các nền kinh tế của từng nước với kinh tế khu vực và thế giới thông qua các nỗ lực tự do hóa và mở cửa nền kinh tế theo những hình thức khác nhau, từ đơn phương đến song phương, tiểu khu vực/vùng, khu vực, liên khu vực và toàn cầu.



Năm mô hình cơ bản của tiến trình hội nhập

Thỏa thuận thương mại ưu
đãi (PTA)

Khu vực mậu dịch tự do (FTA)

Liên minh thuế quan (CU)

Thị trường chung (hay thị trường
độc nhất)

Liên minh kinh tế-tiền tệ



Thỏa thuận thương mại ưu đãi (PTA - Preferential Trade Agreement)

- Các nước thành viên dành cho nhau các ưu đãi thương mại trên cơ sở cắt giảm thuế quan, nhưng còn hạn chế về phạm vi (số lượng các mặt hàng đưa vào diện cắt giảm thuế quan) và mức độ cắt giảm.
- Hiệp định PTA của ASEAN (1977), Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ (2001), Hiệp định GATT - **General Agreement on Tariffs and Trade** (1947 và 1994) là các ví dụ cụ thể của mô hình liên kết kinh tế ở giai đoạn thấp nhất.



Khu vực mậu dịch tự do (FTA)

Các thành viên phải thực hiện việc cắt giảm và loại bỏ các hàng rào thuế quan và các hạn chế về định lượng (có thể bao gồm cả việc giảm và bỏ một số hàng rào phi thuế quan) trong thương mại hàng hóa nội khối, nhưng vẫn duy trì chính sách thuế quan độc lập đối với các nước ngoài khối. Ví dụ: Khu vực mậu dịch tự do Bắc Âu (EFTA), Khu vực mậu dịch tự do bắc Mỹ (NAFTA), Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA).

Phần lớn các hiệp định FTA mới có phạm vi lĩnh vực điều tiết rộng hơn nhiều. Ngoài lĩnh vực hàng hóa, các hiệp định này còn có những quy định tự do hóa đối với nhiều lĩnh vực khác như dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, mua sắm chính phủ... Ví dụ: Hiệp định FTA giữa ASEAN với Úc - Newzealand (2009), Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình dương (TPP).

Liên minh thuế quan (CU)

- Các thành viên ngoài việc cắt giảm và loại bỏ thuế quan trong thương mại nội khối còn thống nhất thực hiện chính sách thuế quan chung đối với các nước bên ngoài khối.
- Ví dụ: Nhóm ANDEAN và Liên minh thuế quan Nga-Bêlarút-Cadăcxtan.



Thị trường chung (hay thị trường duy nhất)

Ngoài việc loại bỏ thuế quan và hàng rào phi thuế trong thương mại nội khối và có chính sách thuế quan chung đối với ngoài khối, các thành viên còn phải xóa bỏ các hạn chế đối với việc lưu chuyển của các yếu tố sản xuất khác (vốn, lao động...) để tạo thành một nền sản xuất chung của cả khối.

Ví dụ: Liên minh châu Âu đã trải qua giai đoạn xây dựng thị trường duy nhất (Thị trường chung châu Âu) trước khi trở thành một liên minh kinh tế.

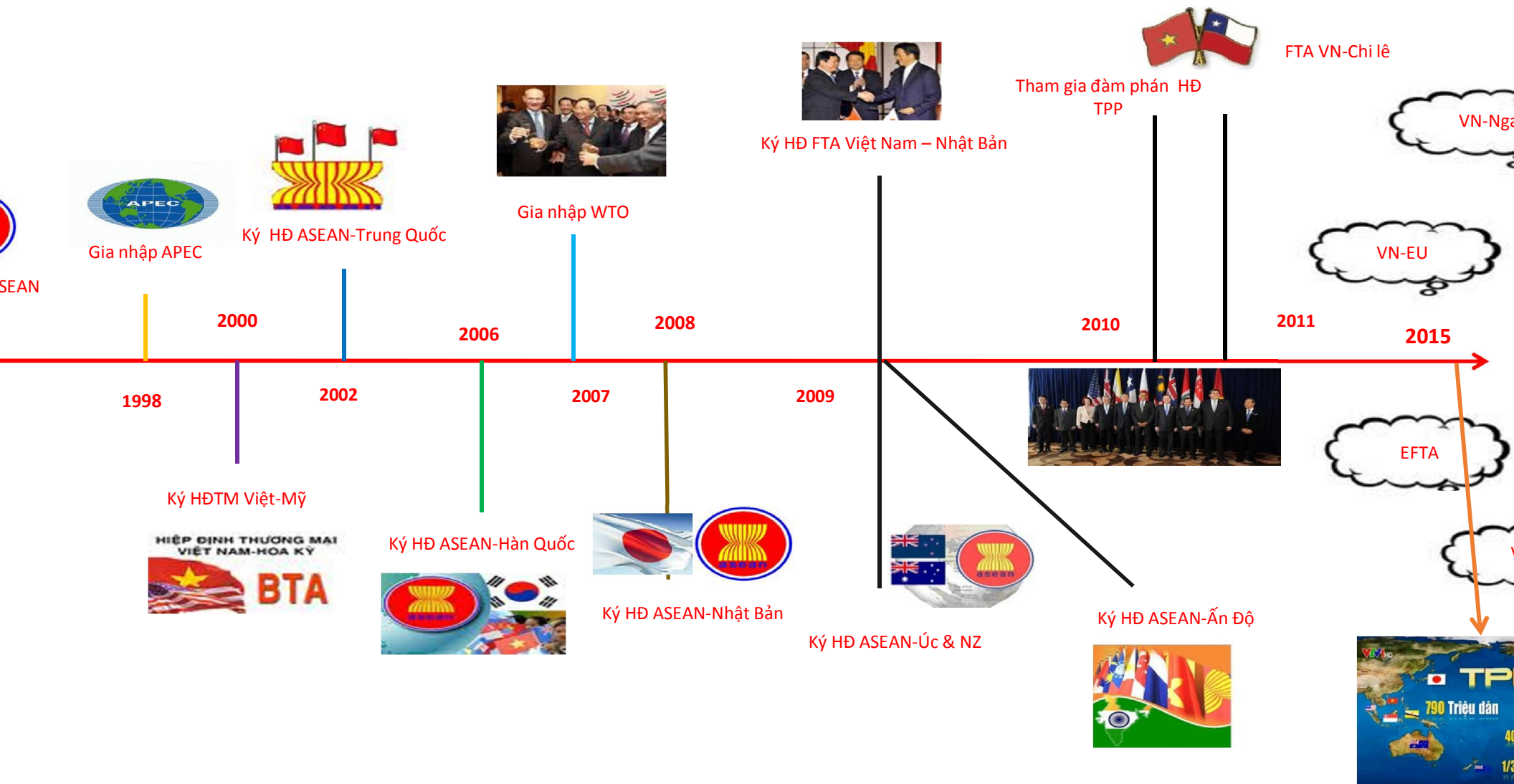


Liên minh Kinh tế - Tiền tệ

là mô hình hội nhập kinh tế ở giai đoạn cao nhất dựa trên cơ sở một thị trường chung/duy nhất cộng thêm với việc thực hiện chính sách kinh tế và tiền tệ chung (một đồng tiền chung, ngân hàng trung ương thống nhất của khối).



TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM



Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian qua

Tích cực

- Tăng cường đẩy xuất khẩu;
- Thu hút đầu tư nước ngoài;
- Tăng trưởng kinh tế, việc làm;
- Phát triển giáo dục, văn hóa, xã hội;
- Thay đổi hệ thống pháp lý một cách rõ ràng, minh bạch hơn;
- Hoàn thiện cấu trúc nền kinh tế;
- Hội nhập sâu rộng vào kinh tế khu vực, thế giới;
- Nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế;
- Tăng cường mối quan hệ với các đối tác chủ chốt;
- Giảm thu nhập bình quân đầu người.

Tiêu cực

- Nhập khẩu tăng mạnh;
- Chịu sức ép cạnh tranh lớn từ doanh nghiệp nước ngoài, dẫn đến nhiều ngành trong nước bị ảnh hưởng do tác động của việc mở cửa thị trường (sắt thép, dầu thực vật, các mặt hàng sản phẩm, các ngành dịch vụ, v.v...);
- Không gian điều chỉnh chính sách bị thu hẹp;
- Thu ngân sách từ thuế nhập khẩu bị giảm;
- Nông dân bị tổn thương từ những cam kết mở cửa thị trường trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Tăng khoảng cách giàu nghèo;
- Ô nhiễm môi trường.

Tiến trình hội nhập KTQT của Việt Nam

1986: xóa bỏ bao cấp → dần chuyển sang nền kinh tế thị trường → thúc đẩy thương mại trong nước

1995: Gia nhập ASEAN và khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) và trên nền tảng đó tham gia các hiệp định ASEAN+

+ASEAN-TQ (2004)

+ASEAN-Hàn Quốc (2006)

+ASEAN-Nhật Bản (2008)

+ASEAN- Ấn Độ (2009)

+ASEAN-Úc New Zealand (2009)

+Thị trường chung ASEAN (AEC) vào cuối 2015

tiến trình hội nhập KTQT của Việt Nam

Gia nhập tổ chức Thương mại thế giới (WTO) (2007).

Tham gia các Hiệp định mậu dịch tự do (FTA) song phương:

- + HĐ đối tác kinh tế Việt Nam –Nhật Bản (2009)

- + FTA Việt Nam Chi lê (2012)

- + FTA Việt Nam- Hàn Quốc (5/2015)

- + FTA Việt Nam- Liên minh hải quan Nga, Kazakhxtan, Belarus (5/2015)

Đến trình hội nhập KTQT của Việt Nam

Đang đàm phán các hiệp định:

- + HĐ đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) gồm 12 nước ở hai bờ Thái Bình Dương: sắp kết thúc.

- + FTA Việt Nam –EU: sắp kết thúc

- + FTA Việt Nam- Hiệp hội mậu dịch tự do Châu Âu (Na Uy, Thụy Sĩ, Iceland, Liechtenstein).

- + HĐ đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)-ASEAN+6 (TQ, HQ, NB, Ấn Độ, Úc, New Zealand).

Viet Nam đang và sẽ hội nhập như thế nào?

Về Hàng hóa:

giảm 90% dòng thuế nhập khẩu về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực. 0% còn lại có lộ trình giảm về 0% sau maximum là 10 năm.

Loại bỏ thuế xuất khẩu.

Quy tắc xuất xứ chặt chẽ và cơ chế tự chứng nhận xuất xứ.

- Minh bạch và tuân thủ chuẩn chung về hàng rào kỹ thuật (TBT) và chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS).

Việt Nam đang và sẽ hội nhập như thế nào?

Về Dịch vụ:

Dần tự do hóa sâu rộng hầu hết các ngành với nguyên tắc tiếp cận âm tính mới: chọn bỏ, tức là ngành nào không muốn mở cửa thì đưa vào danh sách đàm phán, còn lại coi như tự do hóa hoàn toàn.

Việt Nam đang và sẽ hội nhập như thế nào?

Về Đầu tư, tài chính:

Minh bạch chính sách chung về đầu tư, khiếu kiện để đảm bảo quyền lợi chính đáng của nhà đầu tư, áp dụng cơ chế Ratchet (khi thay đổi chính sách chỉ có thể tốt hơn, thuận lợi hơn cho nhà đầu tư).

Mở cửa sâu rộng thị trường vốn với hầu hết các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ liên quan đến sản xuất.

Một số dịch vụ phức tạp và nhạy cảm như dịch vụ tài chính, viễn thông thương mại điện tử mở cửa dè dặt hơn và có quy định riêng.

Việt Nam đang và sẽ hội nhập như thế nào?

Về Lao động và Công đoàn:

Tăng cường tính chủ động và đại diện cho quyền lợi của người lao động thông qua các tổ chức công đoàn độc lập các cấp nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Hạn chế các ngành nghề cấm đình công.

Bảo đảm điều kiện làm việc tốt cho người lao động.

Việt Nam đang và sẽ hội nhập như thế nào?

Các khung khổ pháp lý chung:

Chính sách cạnh tranh: bảo đảm bình đẳng giữa mọi doanh nghiệp trong cạnh tranh.

Doanh nghiệp nhà nước: xóa bỏ ưu đãi cho DNNN; không cấp vốn, xóa nợ, bảo lãnh cho DNNN; Cấm bù chéo trong DNNN; Giám sát chặt chẽ hoạt động của DNNN thông qua cơ chế báo cáo chi tiết và định kì.

Mua sắm chính phủ: công khai, minh bạch cơ chế và áp dụng đấu thầu cạnh tranh.

Việt Nam đang và sẽ hội nhập như thế nào?

Các khung khổ pháp lý chung:

Môi trường: Gia nhập các Công ước đa phương về môi trường điều chỉnh và thương mại trong mối quan hệ bảo tồn đa dạng sinh học, chống biến đổi khí hậu, bảo tồn hải sản và minh bạch quy tắc xuất xứ của hải sản đánh bắt; Bảo đảm tiêu chuẩn môi trường tại doanh nghiệp; Áp dụng luật nước ngoài trong chế tài xử phạt vi phạm về môi trường.

Sở hữu trí tuệ: Mở rộng đối tượng và trách nhiệm bảo hộ; Kéo dài thời gian bảo hộ quyền tác giả và các quyền liên quan; tăng cường chế tài thực thi (thực thi tại biên giới, thực thi hình sự, không phủ nhận xử lý hành chính nhưng không thay thế cho xử lý hình sự...).

Khó khăn và cơ hội với các SMEs VN

ng quát: trong vòng 10-15 năm tới, Việt Nam sẽ hội nhập sâu rộng trên hầu hết các lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ, lao động với khu vực và thế giới.

Cơ hội: rất nhiều nhưng chỉ là tiềm năng (thị trường hàng hóa dịch vụ, thị trường lao động...)

Khó khăn và thách thức là chắc chắn, ngay lập tức và hiện hữu: không đồng bộ về môi trường pháp lý quốc tế-trong nước, những nhiễu loạn từ phía của các cơ quan công quyền, cạnh tranh khốc liệt, nguồn lực hạn chế... Một SME tự mình rất khó vượt qua vô vàn khó khăn này trong một thời gian ngắn.

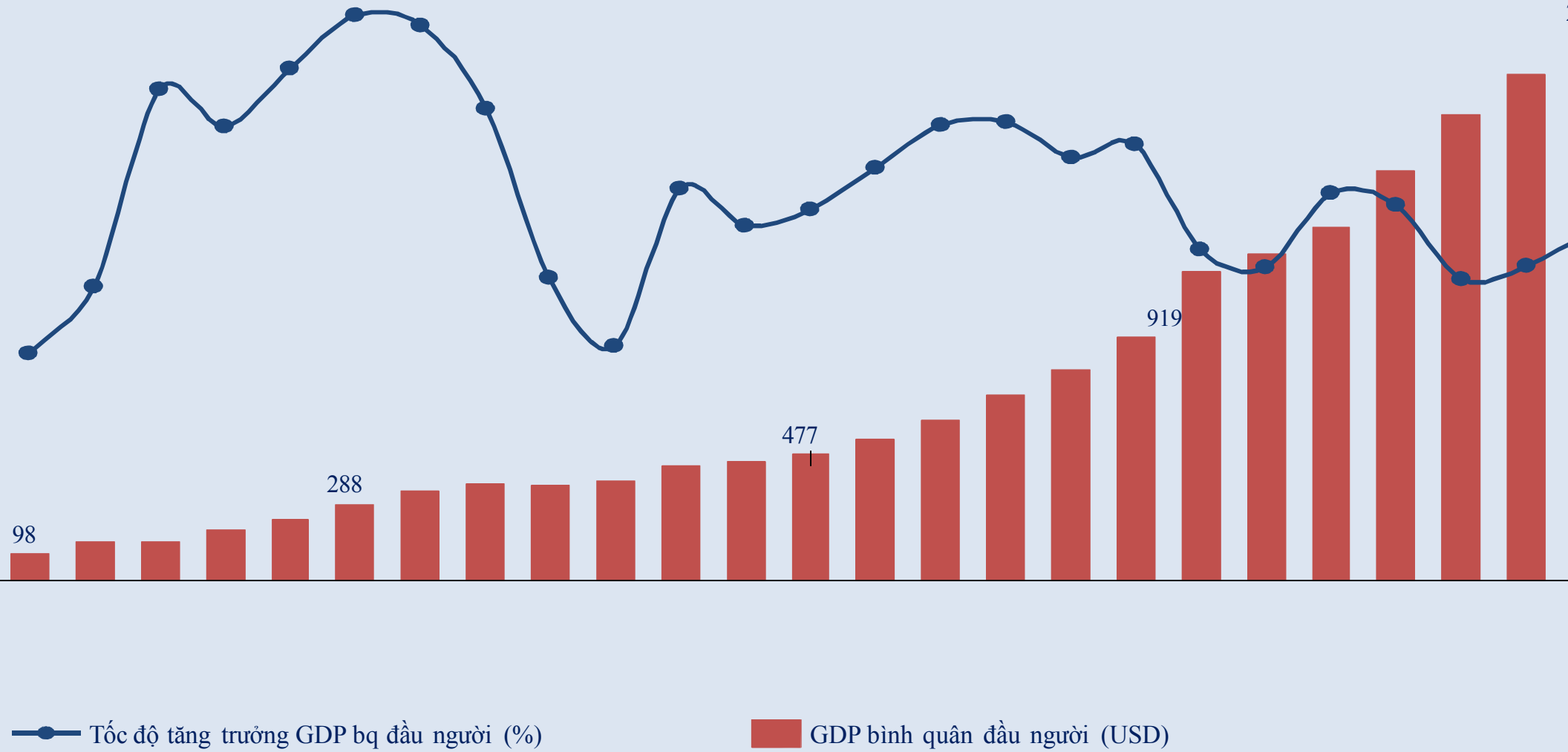
VIỆT NAM ĐANG Ở ĐÂU?

10 NĂM ĐỔI MỚI

HÀNH TỰU NGOẠN MỤC!

HƯNG TỰT HẬU XA HƠN?

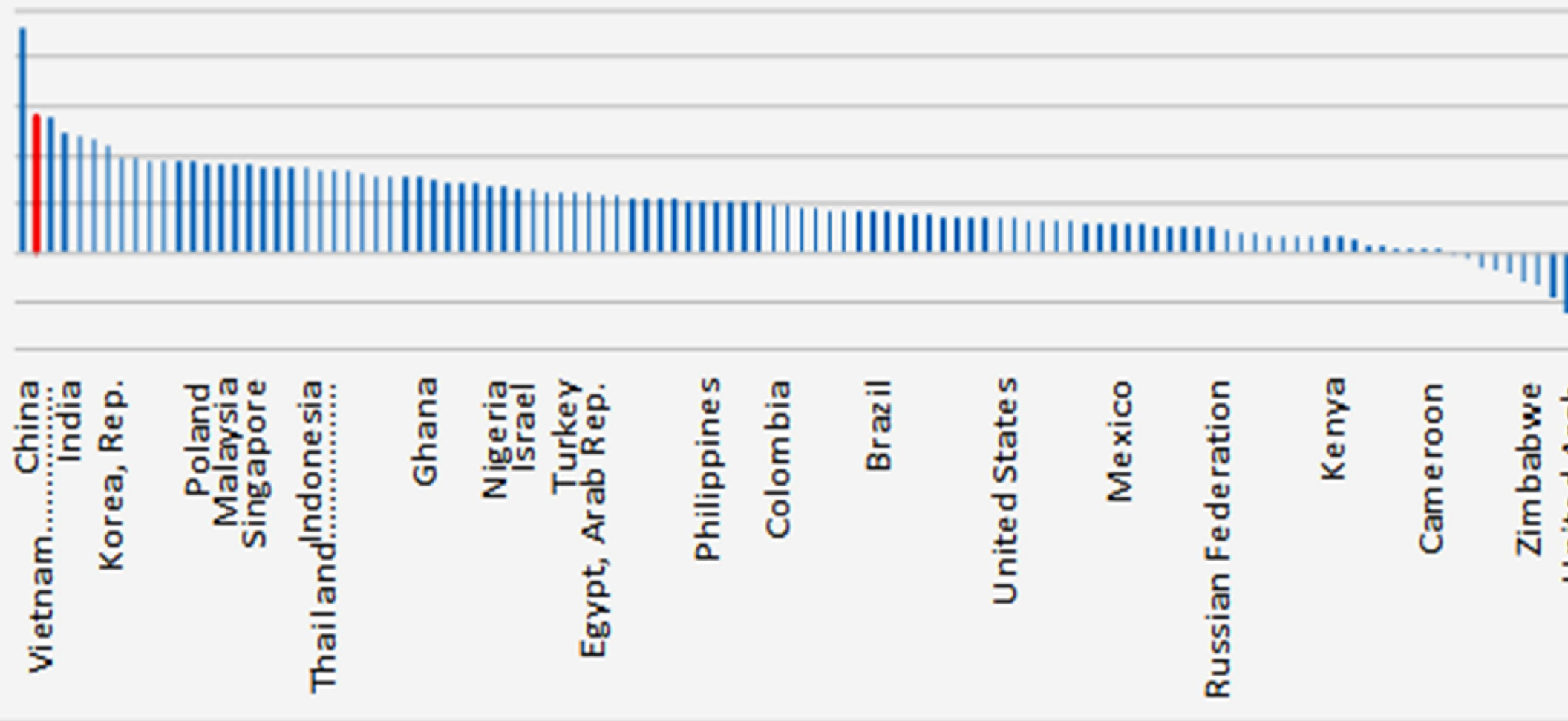
Thành tựu sau 30 năm đổi mới



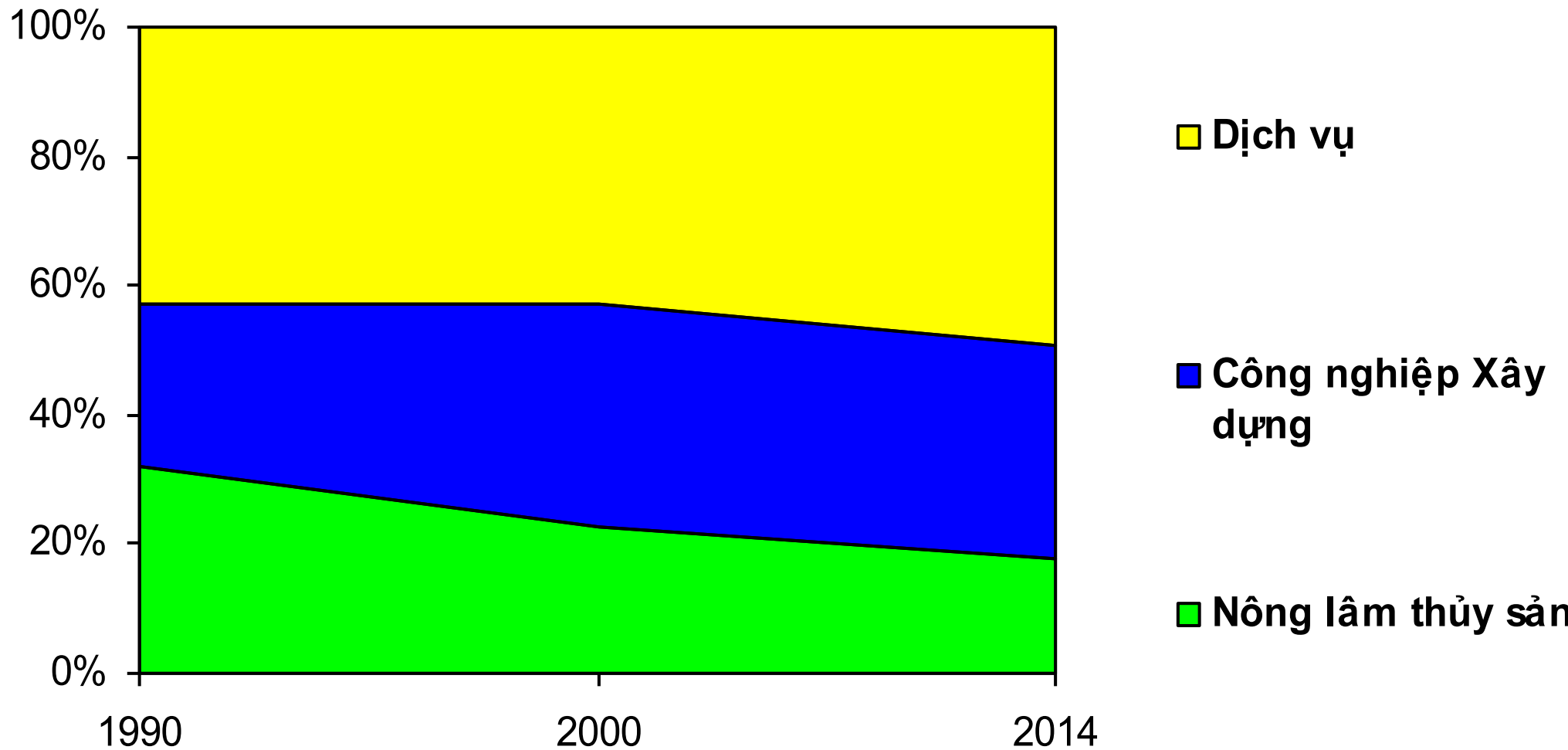
Chỉ số phát triển thế giới (WDI)

Tăng trưởng GDP theo đầu người (%)

Bình quân, 1991-2014

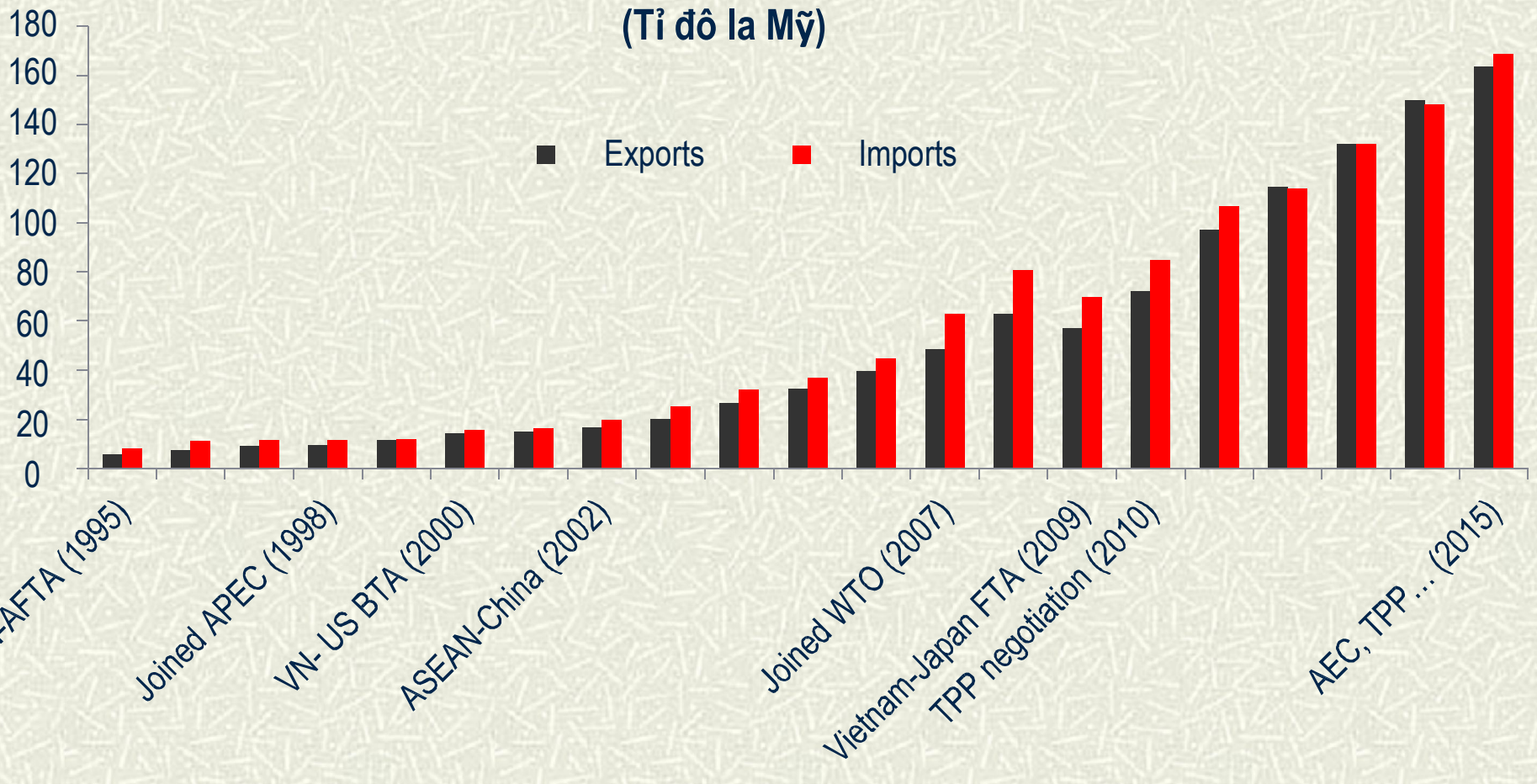


Chuyển dịch cơ cấu có tiến bộ

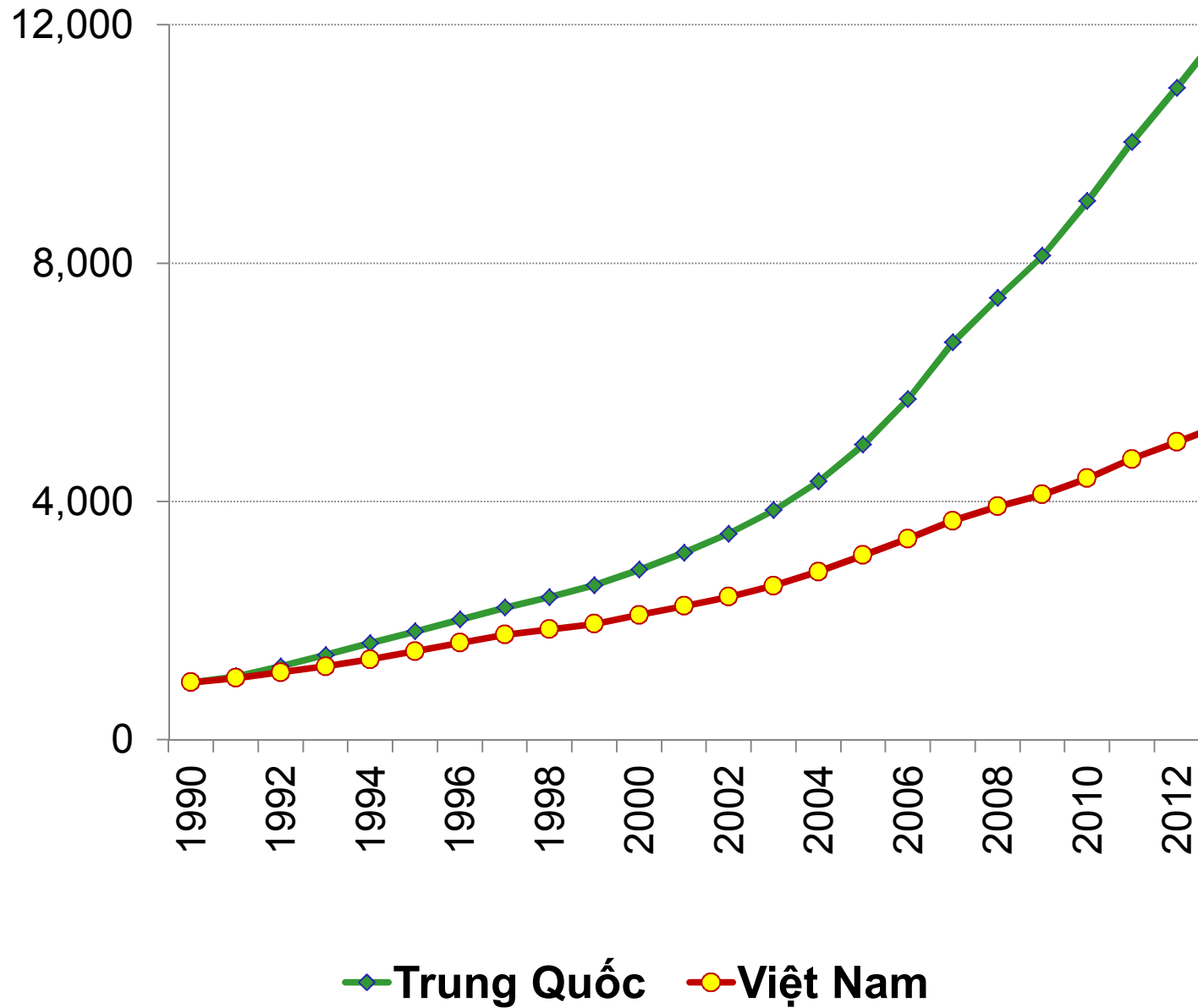


Đạt động thương mại ấn tượng của Việt Nam nhờ hội nhập khu vực và quốc tế

Xuất khẩu – Nhập khẩu của Việt Nam
(Tỉ đô la Mỹ)



PPP/đầu người:
Đang cách với TQ
ra nhanh chóng
(USD hiện
h, PPP)



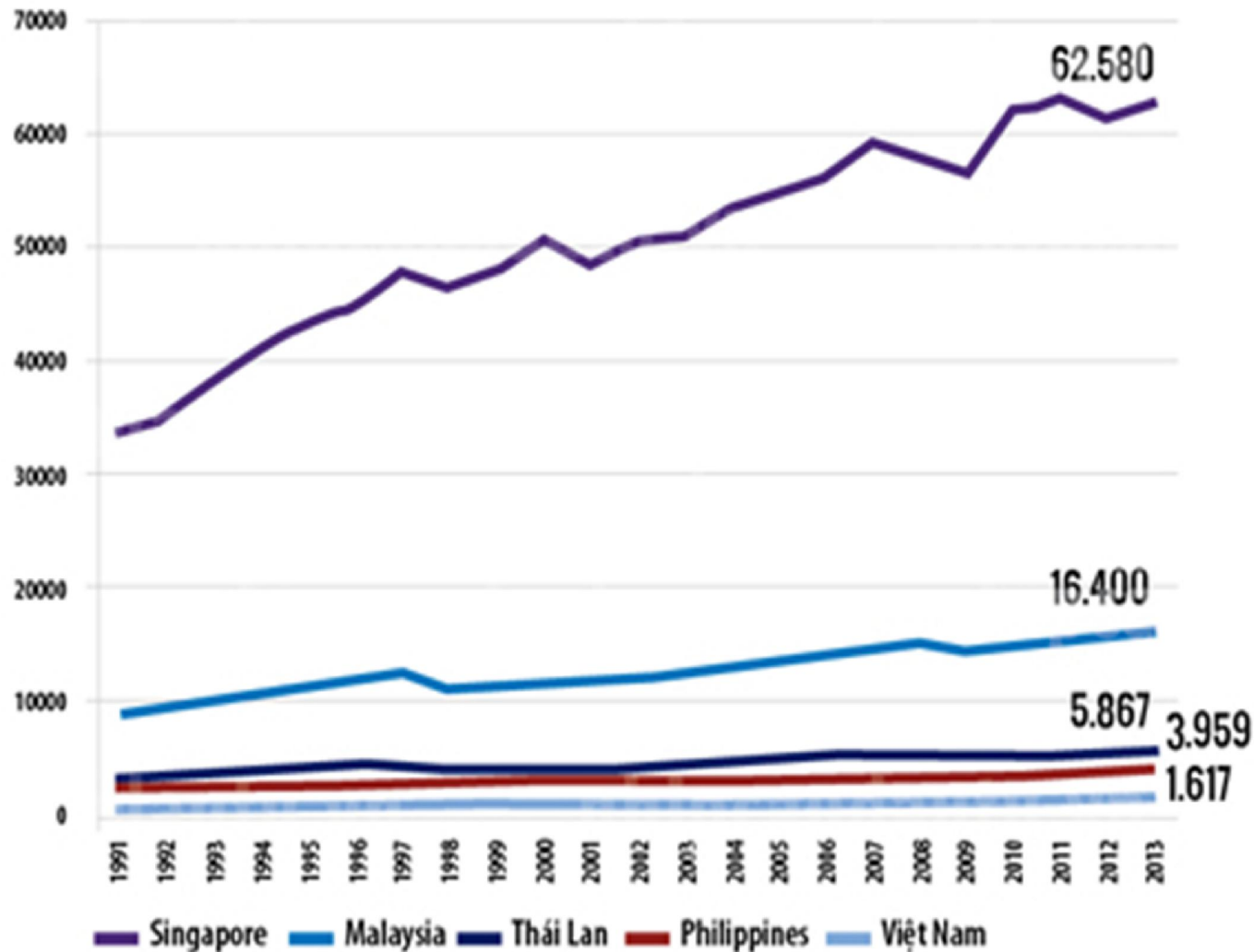
Thành tựu sau 30 năm đổi mới

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, 1986-2013

	1987- 1991	1992- 1997	1998- 1999	2000- 2007	2008- 2009	
Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Việt Nam (% giá thực tế)						
Kinh tế cả nước	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
Nông-Lâm -Thủy sản	41,04	28,66	25,61	22,11	21,56	
Công nghiệp và xây dựng	25,10	29,27	33,49	39,82	40,57	
Công nghiệp chế biến, chế tạo	17,22	15,36	17,42	20,37	20,22	18,22
Xây dựng	3,31	6,67	5,61	6,16	6,55	
Dịch vụ	33,86	42,08	40,90	38,07	37,87	
Đóng góp “phần trăm” vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam (% giá 1994)						
Tăng trưởng GDP	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
Nông-Lâm -Thủy sản	15,22	14,51	20,36	11,11	9,67	
Công nghiệp và xây dựng	23,07	42,87	50,50	51,79	41,77	
Công nghiệp chế biến, chế tạo	3,94	20,66	29,42	32,54	25,73	28,22
Xây dựng	2,62	11,31	1,57	11,44	9,01	
Dịch vụ	61,71	42,62	29,14	37,10	48,56	

1986 chưa có sản phẩm xuất khẩu trên 200 triệu USD
 2005 có 7 mặt hàng xuất khẩu kim ngạch trên 1 tỷ USD
 2013 có 8 sản phẩm có giá trị xuất khẩu đạt trên 5 tỷ USD

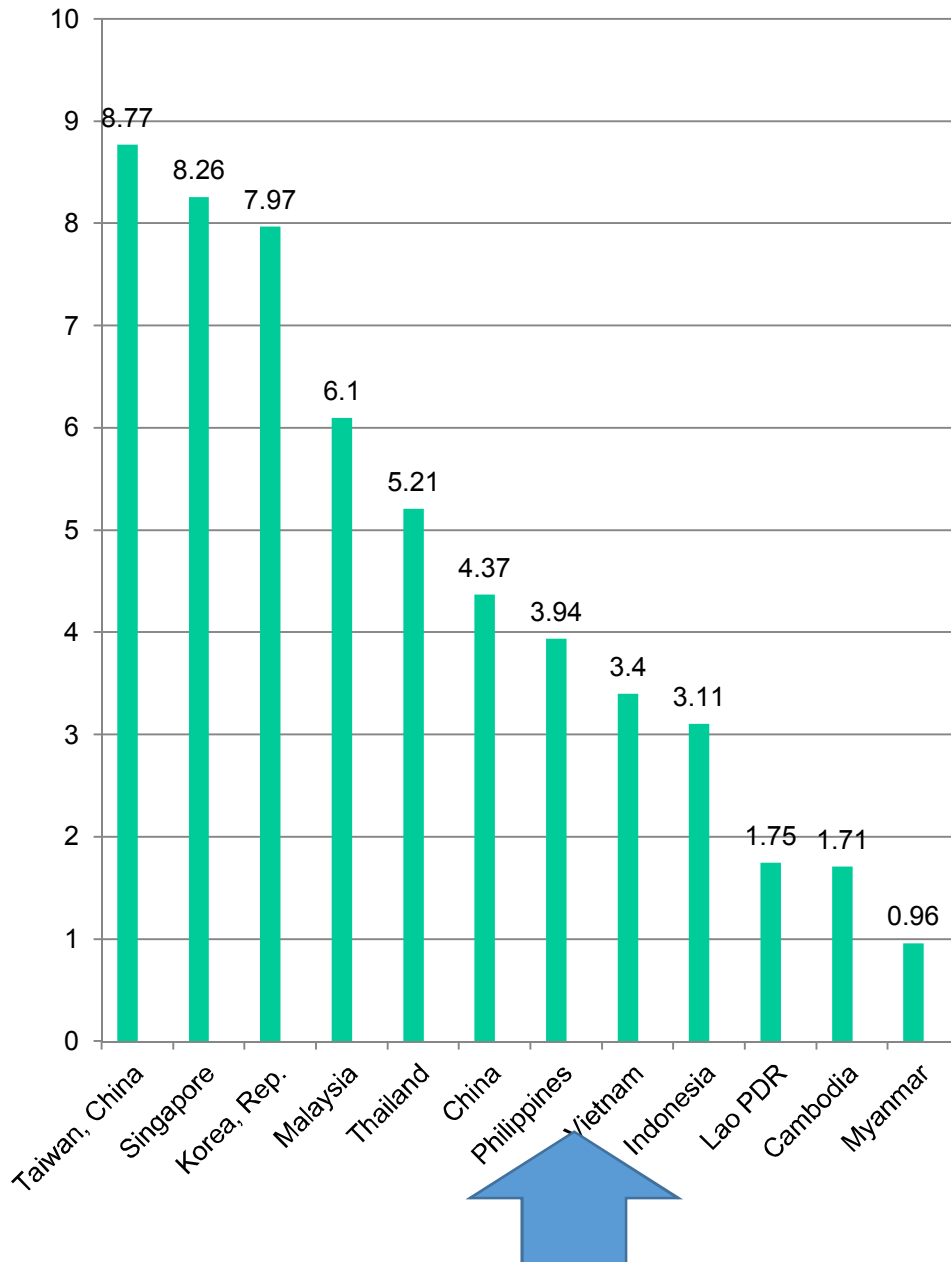
NSLĐ của một số nước ASEAN 1991-2013



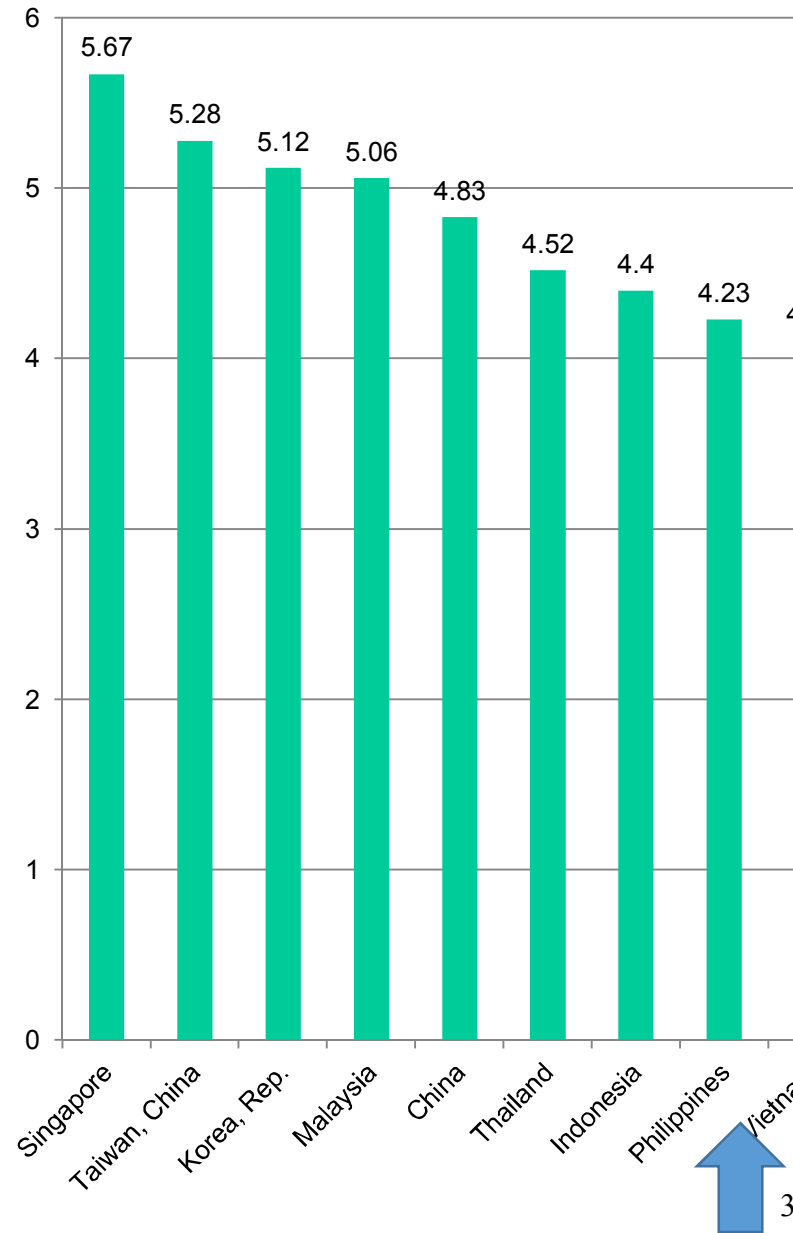
Đơn vị: USD (giá năm 2005) • Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế, số liệu về sản lượng đầu công nhân

Chỉ số
hát
riển
KT tri
nước,
áng
ạo,
hăng
ức
ạnh
anh
hấp

Chỉ số KEI - Knowledge Economy Index - 2012 (WB)



Chỉ số GCI - Global Competitiveness Index - 2013 (GCR)

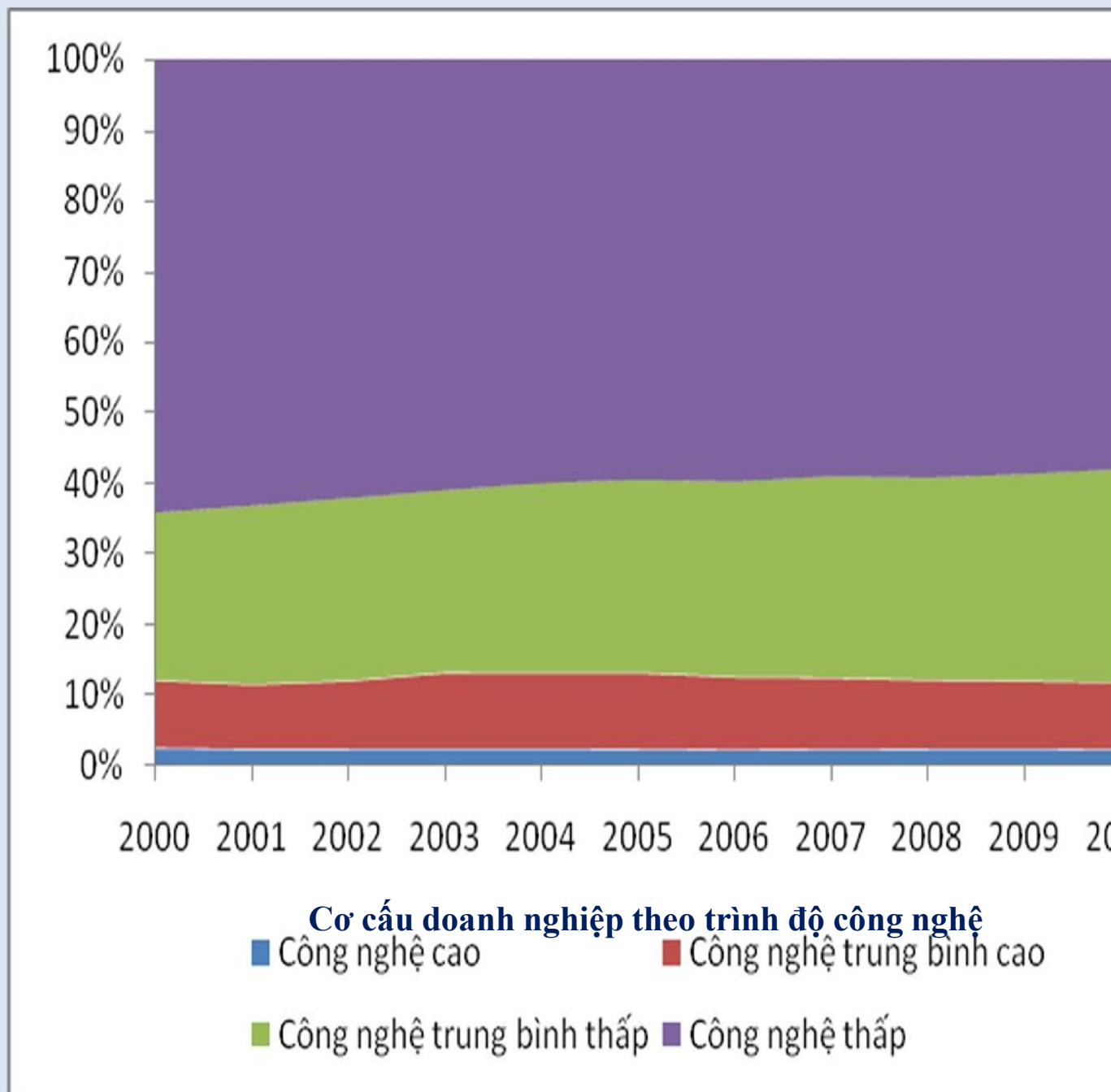


ác vấn đề đặt ra

ạt động trong:

h công nghệ cao: 2%,
g đa số tham gia công
có VA thấp

h công nghệ thấp: 55%



Cơ cấu DN: xu hướng **BẤT BÌNH THƯỜNG**

PHẨM CHẤT

nhỏ, siêu nhỏ chiếm tuyệt đại đa số (-96%), thiếu các Tập đoàn tư nhân lớn trụ cột.

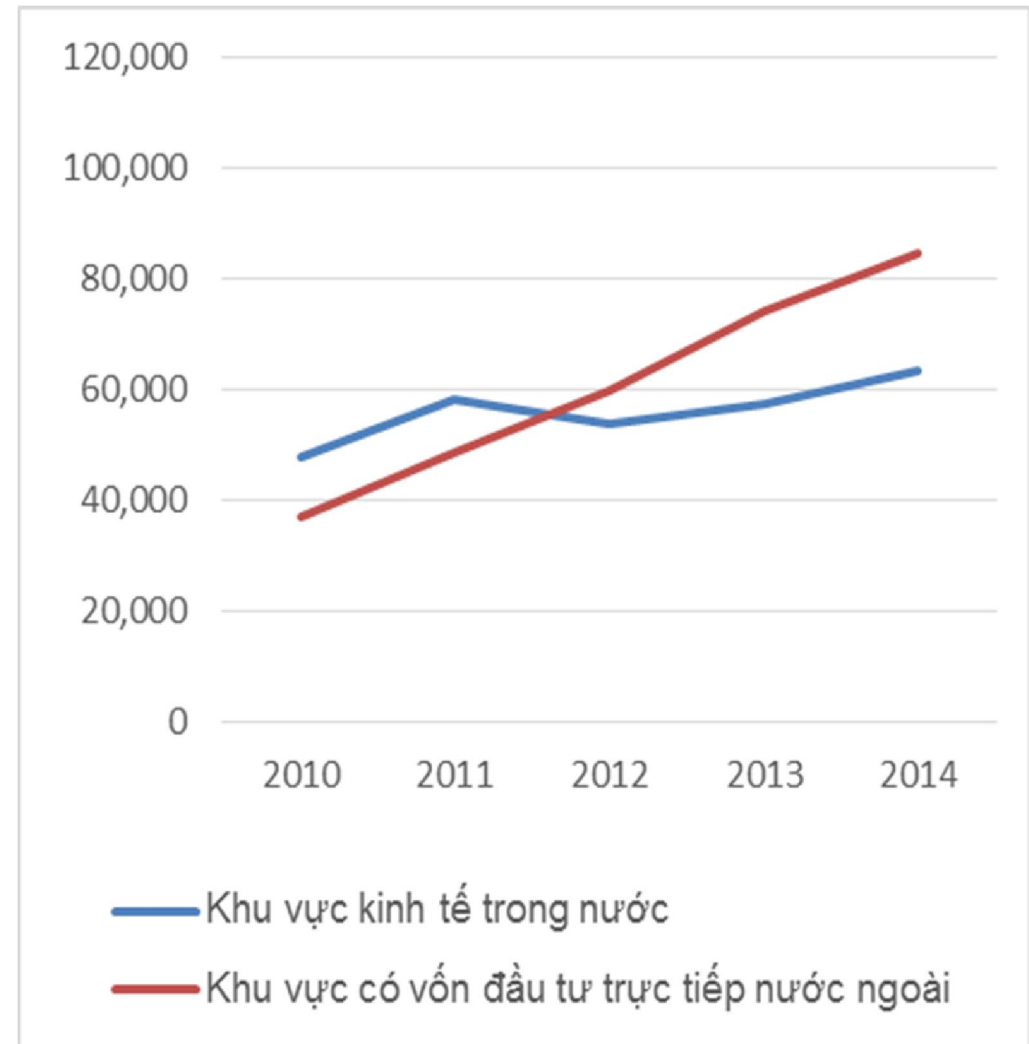
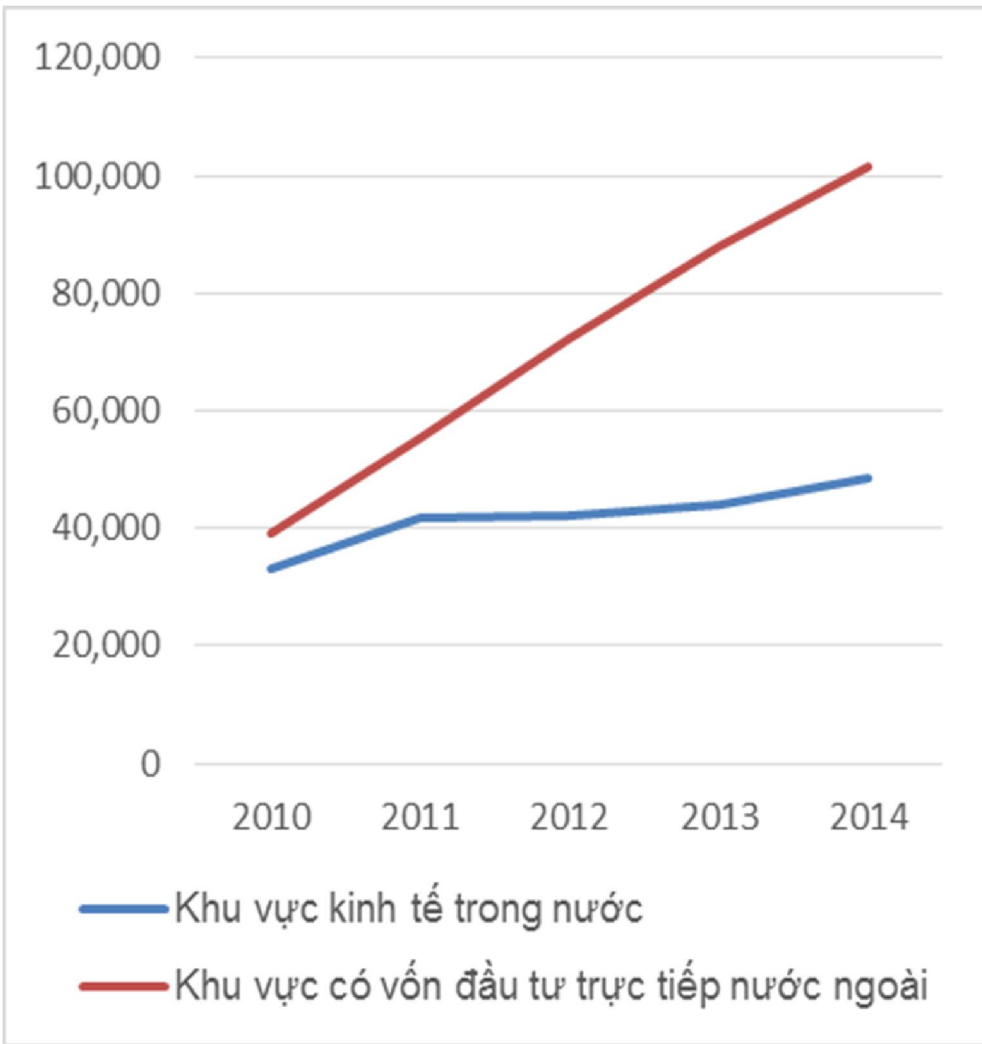
thiếu cạnh tranh, thiếu liên kết, lệ thuộc nước ngoài, thiếu tính thần đổi mới, sáng tạo, chậm lớn, khó trưởng thành.

nhìn nhỏ hẹp và ngắn hạn. Đông cơ nghiệp vụ, kém chất lượng, thiếu kiểm soát.

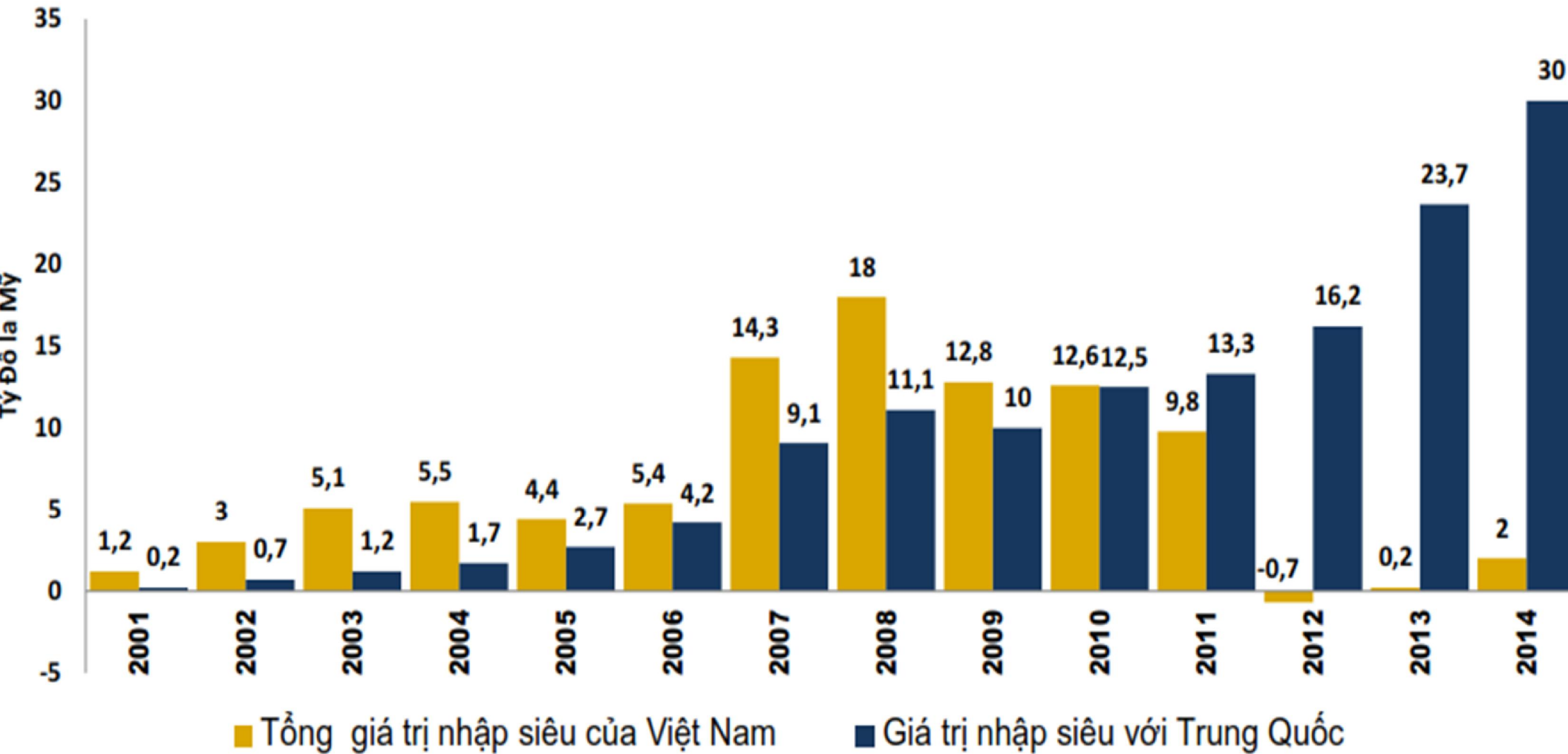
SỐ DN NỘI ĐỊA ĐÓNG CỬ

- Năm 2010: 40.000
- Năm 2011: 53.922
- Năm 2012: 54.261
- Năm 2013: 60.737
- Năm 2014: 67.832
- **Năm 2015: 11 tháng: 62.713** (tăng 21,35% so cùng kỳ 2014)

XNK hàng hóa khu vực “nội – ngoại”: khoảng cách gia tăng



NHẬP SIÊU: NGHIÊNG LỆCH CƠ CẤU VÀ SỰ PHỤ THUỘC VÀO TRUNG QUỐC



NỢ CÔNG KHÁC NỢ CHÍNH PHỦ

Theo cách tiếp cận của Ngân hàng Thế giới, nợ công được hiểu là nghĩa vụ nợ của bốn nhóm chủ thể bao gồm:

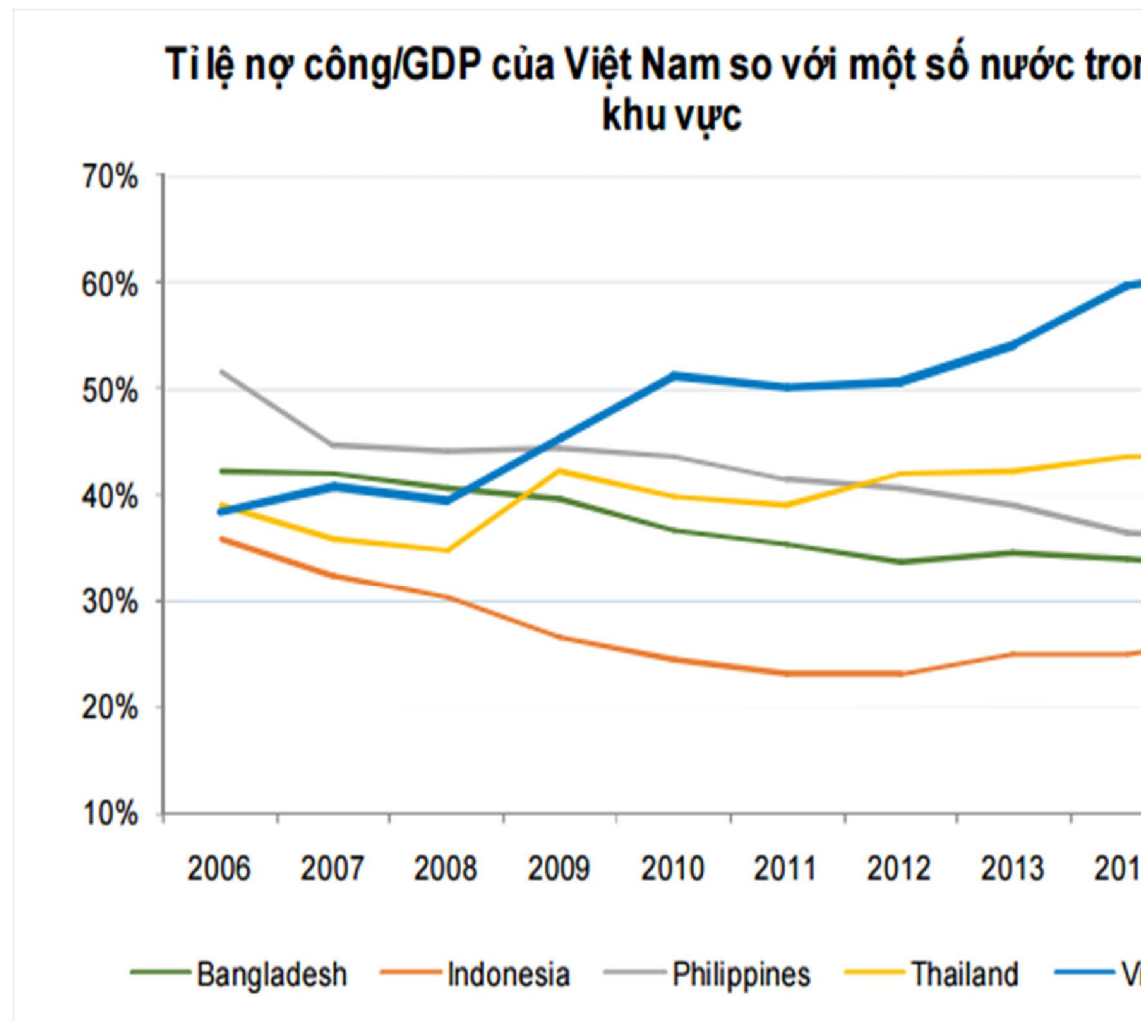
- (1) nợ của Chính phủ trung ương và các Bộ, ban, ngành trung ương;
- (2) nợ của các cấp chính quyền địa phương;
- (3) nợ của Ngân hàng trung ương;
- (4) nợ của các tổ chức độc lập mà Chính phủ sở hữu trên 50% vốn, hoặc việc quyết lập ngân sách phải được sự phê duyệt của Chính phủ hoặc Chính phủ là người chịu trách nhiệm trả nợ trong trường hợp tổ chức đó vỡ nợ.

NỢ CÔNG: TĂNG NHANH VÀ NGUY CƠ

dù tỷ lệ nợ công/GDP không thay
nhưng với tốc độ tăng GDP danh
a bình quân trên 10% mỗi năm, quy
nợ công hàng năm trên thực tế có
tăng thêm trên 250.000 tỉ đồng.

ầu năm 2010 đến hết 9-2015, tổng
Đến TPCP phát hành đạt mức kỷ lục
926 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong giai
n trên, số vốn giải ngân đạt 343.082
đồng

g chú ý là từ 2006, trong khi tỷ lệ nợ
/GDP có xu hướng giảm dần hoặc
lạnh tại các nước khác thì ở VN lại
khá nhanh, đặc biệt từ 2009 đến
và khoảng cách đang nới rộng.



Nguồn: IMF & World bank

CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ CẤU

Cơ cấu ngành đẳng cấp thấp:

- Nền CN nặng về khai thác tài nguyên, gia công, lắp ráp, định hướng “công nghiệp – phi công nghệ”, không khuyến khích sản xuất nội địa, ít có CNHT
- Nền nông nghiệp dịch chuyển cơ cấu theo kiểu “đèn cù”: thay cây, thay công nghệ liên tục nhưng quanh quẩn vẫn những cây cấy con cấy, với định hướng xuất khẩu: sản lượng cao, chất lượng thấp, tiêu tốn nhiều nguồn lực và giá trị gia tăng thấp.

ĐẶC ĐẶC TRƯNG CƠ CẤU

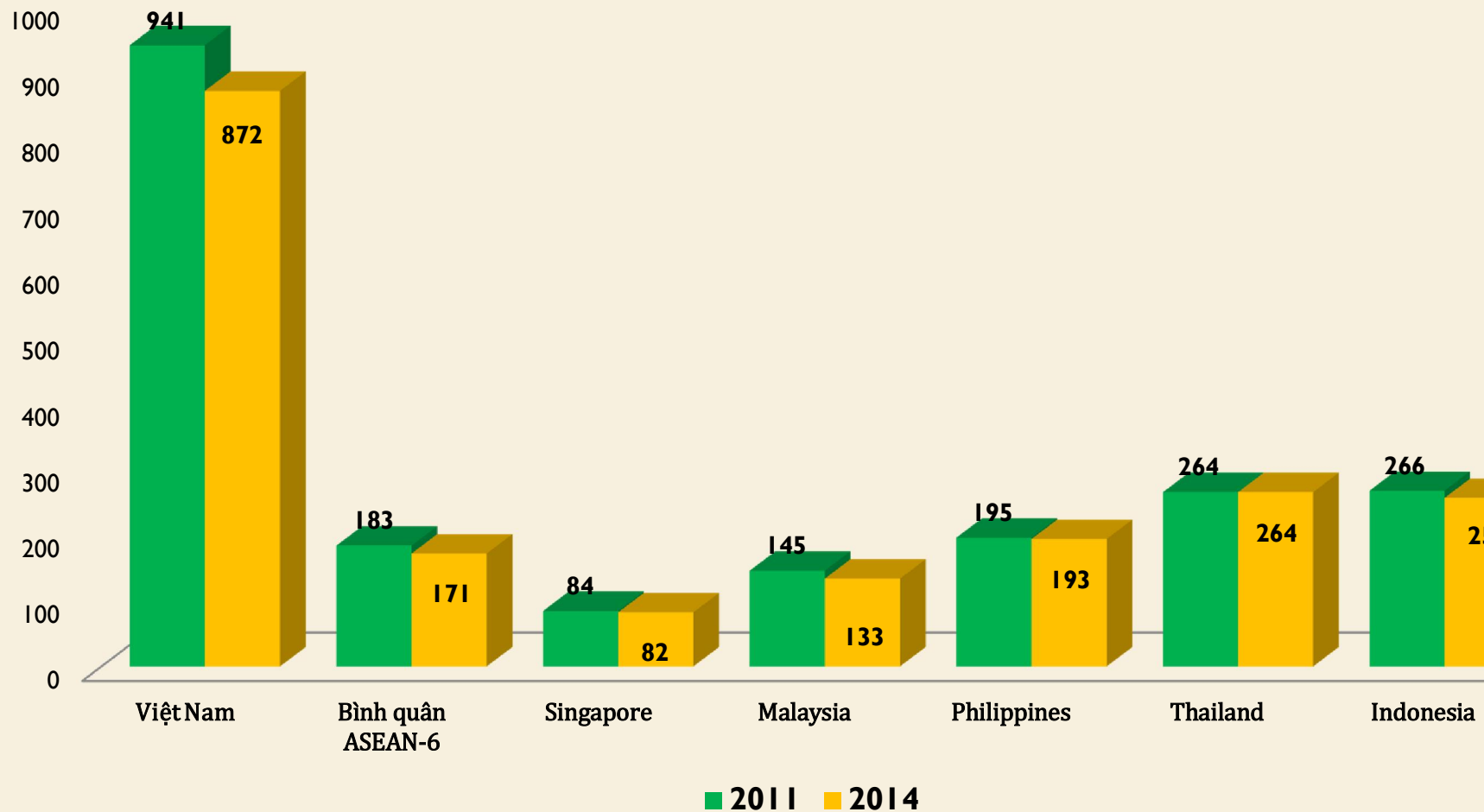
Ngành dịch vụ kém phát triển, chất lượng thấp; ngành du lịch cũng định hướng tăng “sản lượng” khách, đa số khách (85-90%) “một đi không trở lại”

Nền kinh tế khuyến khích nhập khẩu để gia công lắp ráp và mang tính đầu tư

Dậm chất kinh tế tiểu nông, nhỏ lẻ, “đóng kín”, thiếu liên kết, chưa có

tầm nhìn toàn cầu. Sinh ra và nuôi dưỡng động cơ kiếm chác, chộp giật

CHÂN DUNG THỂ CHẾ: Thời gian nộp thuế của DN các nước (giờ/năm)



NỀN TẢNG CHO CNH, HĐH

Đại hội Đảng IX (2001): Xây dựng cơ sở nền tảng cho CNH, HĐH.

Đại hội Đảng XII (2016): Xây dựng nền tảng để sớm đưa nước ta trở thành nước Công nghiệp hiện đại.

Mục tiêu đến năm 2020 trở thành nước CNH-HĐH không thể đạt được.

N HỘỊ NHẬP VÀO THẾ GIỚI NÀO?

HỆ GIỚI HIỆN ĐẠI: NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN

- Thời đại (chuyển nhanh sang) công nghệ cao. Công nghệ và trí tuệ quyết định thành công.
- Thời đại TCH, liên kết, hội nhập sâu rộng. Mạng - chuỗi toàn cầu. Luật chơi toàn cầu đẳng cấp cao.
- Sự trỗi dậy mạnh mẽ của “những gã khổng lồ - ĐPT” [BRICS]. Cục diện mới (phá vỡ cân bằng cũ). Bùng nổ lực lượng trung lưu.
- Tốc độ cao là thuộc tính cơ bản.
- Xung đột, bất ổn, bất định, khó dự đoán, rủi ro cao

HỆ GIỚI HIỆN ĐẠI: HỮNG LỰC LƯỢNG QUYẾT ĐỊNH PHÁT TRIỂN

Luật chơi toàn cầu, các thể chế toàn cầu + nhà nước quốc gia.

Lực lượng sáng tạo tri thức và vận hành công nghệ. Nước nào vươn nhanh công nghệ sẽ thắng (Chiến lược tiến vượt của Hàn Quốc)

Các chuỗi kinh doanh toàn cầu: Vị thế của các TNC (Cách chơi của Singapore: hội tụ TNC).

Cường quốc dẫn dắt cuộc chơi: Mỹ (lý lẽ: vai trò của KE và tỷ lệ chiếm giữ Nobel).

Động lực PT của loài người biến đổi sâu sắc

Lực lượng sáng tạo quyết định sự giàu có quốc gia ➡ Tôn trọng tri thức, trọng dụng người tài là CS ưu tiên hàng đầu. Dân chủ cho sáng tạo cá nhân là nguyên tắc tối cao.

Sự đa dạng (diversity), khác biệt là động lực phát triển;

➤ **Liên tục đổi mới thì thắng**: Israel - tinh thần “Quốc gia khởi nghiệp” = XH luôn sáng tạo, đổi mới, “chấp nhận thất bại để phát triển”.

Lợi thế đi sau là tuyệt đối: Mẫu hình UAE (Dubai), Qata. Giá trị của TPP đối với VN.

CỤC DIỆN THẾ GIỚI THAY ĐỔI SÂU SẮC

Sự trỗi dậy của Trung Quốc, Ấn Độ: quy mô lớn, tốc độ cao, nhảy vọt cơ cấu kinh tế
Thế cân bằng cũ (chiến tranh lạnh, đơn cực, hệ thống bảo hộ và cân bằng TM) bị phá vỡ: TQ, Ấn độ trỗi dậy ➔ Hút đầu tư, công nghệ, tạo thách thức lớn, dự trữ ngoại tệ lớn, hình thành quyền lực Tài chính toàn cầu mới.

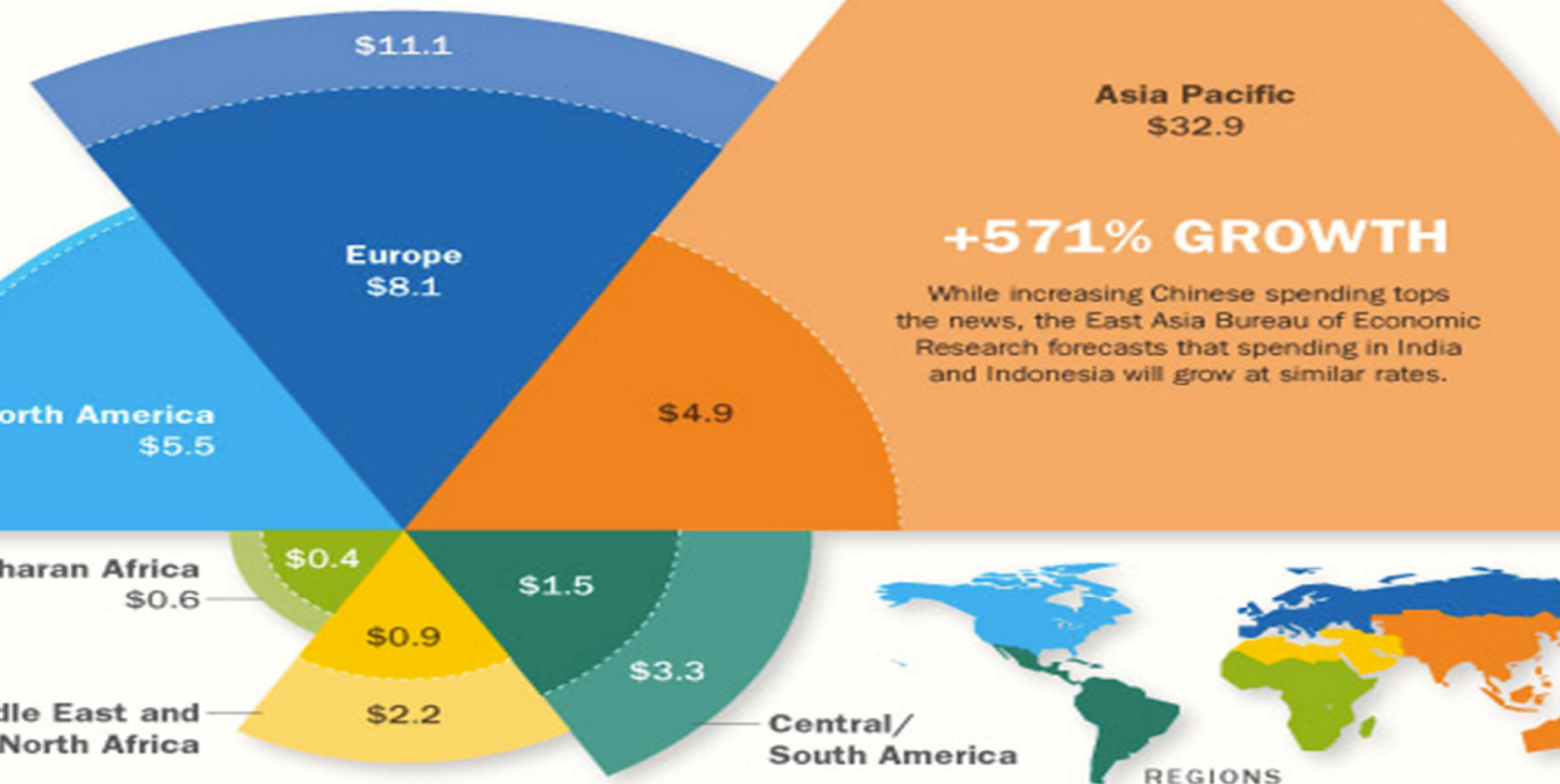
Dân số già hóa.

Xu hướng trung lưu hóa mạnh chưa từng thấy

MIDDLE CLASS CONSUMER SPENDING

OUTER RING: 2030 in trillions, USD (projected)

INNER RING: 2009 in trillions, USD



➔ Hệ quả:

- Cơ hội lớn, nhiều chưa từng thấy
- Đổ bể, xung đột là không tránh khỏi, chiến tranh là tiềm tàng.
- Bất thường, bất ổn, khó dự báo và rủi ro trở thành thuộc tính
- Cách tiếp cận chiến lược và chính sách: “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”

Trung Quốc trỗi dậy

- Tăng trưởng trên 10%/năm suốt 30 năm.
- Năm 2014, GDP (PPP) là 17.600 tỷ USD, so 17.400 tỷ USD của Mỹ, thành nền KT lớn nhất thế giới.
- XK 3000 tỷ USD/năm (nhất thế giới) = Công xưởng thế giới.
- Dự trữ ngoại tệ 4.700 tỷ USD, lớn nhất thế giới.
- Mỗi năm đăng ký hơn 12.000 phát minh, xếp thứ 3 thế giới, sau Mỹ, Nhật
- Đối mặt với nhiều vấn đề kinh tế, môi trường, xã hội gay gắt . Tăng trưởng chậm lại và gặp khó khăn lớn. Lý Khắc Cường: “Cải cách cắt da, xẻ thịt, đau đớn, có chống đối”

AI CON ĐƯỜNG TỖ LỰA



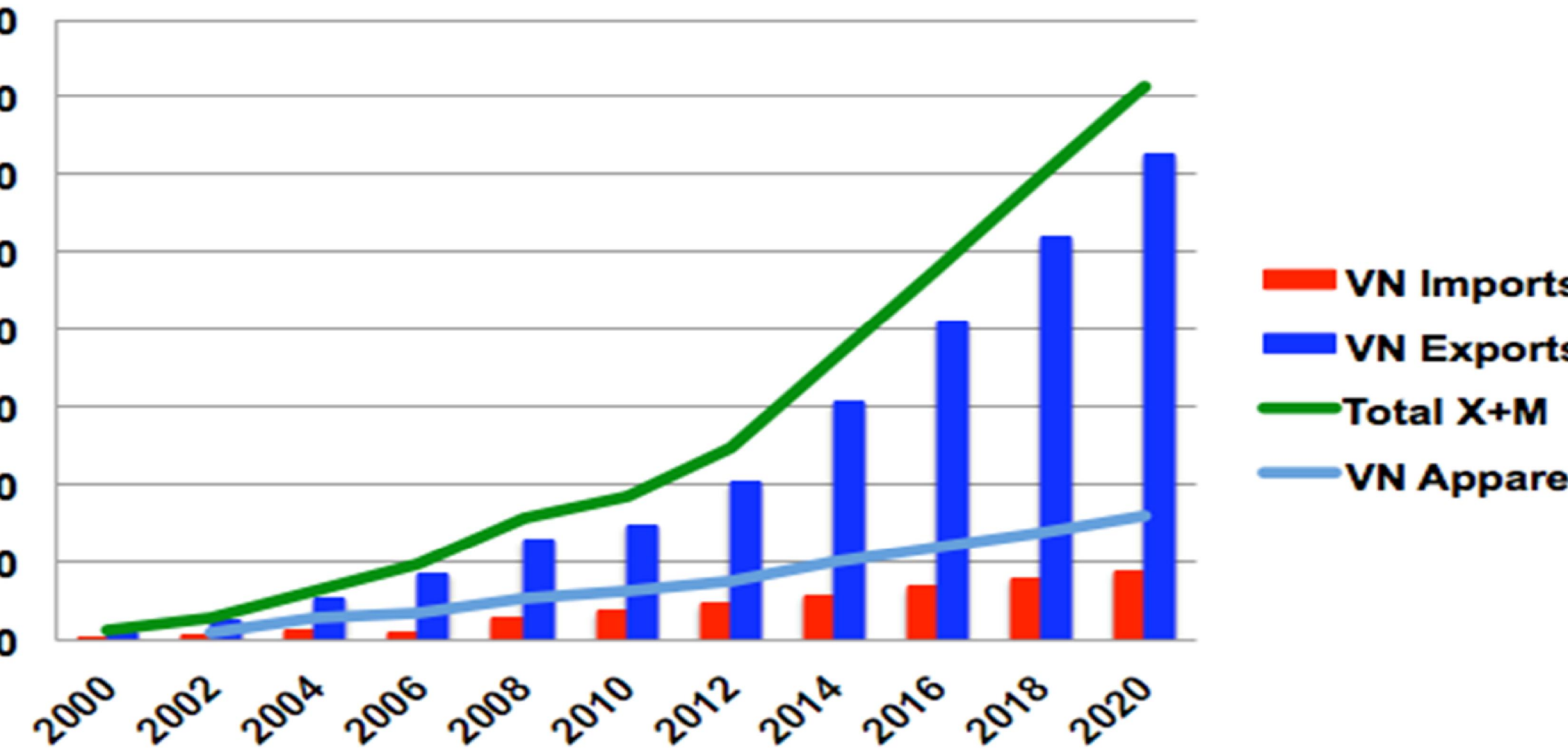
TUYẾN PHÁT TRIỂN VỮNG TÀU - DAWEI



CÁC FTA “THẾ HỆ MỚI”

Động lực hội nhập: Bài học từ Việt - Mỹ BTA

Vietnam - U.S. Trade, 2000 - 2020e
(US\$ billion • Not including impact of TPP)



PP, AEC, FTA VN - (EU; HÀN; LIÊN MINH KT Á - ÂU) CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC LỊCH SỬ

Kinh nghiệm thực tiễn WTO: rất không dễ dàng, nhiều cơ hội tiềm năng nhưng đầy rủi ro hiện thực. Phải làm mới, làm khác.

Hội nhập nhiều tuyến, đẳng cấp cao nhất.

Cơ hội tiến vượt lên về thể chế và công nghệ - nhưng VN có vượt qua được chính mình?

HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG - TPP

TPP: Cầu nối 2 bờ Thái Bình Dương

(800 triệu dân, GDP: 27.750 tỷ USD, 38% GDP thế giới)



HÁI QUÁT TPP

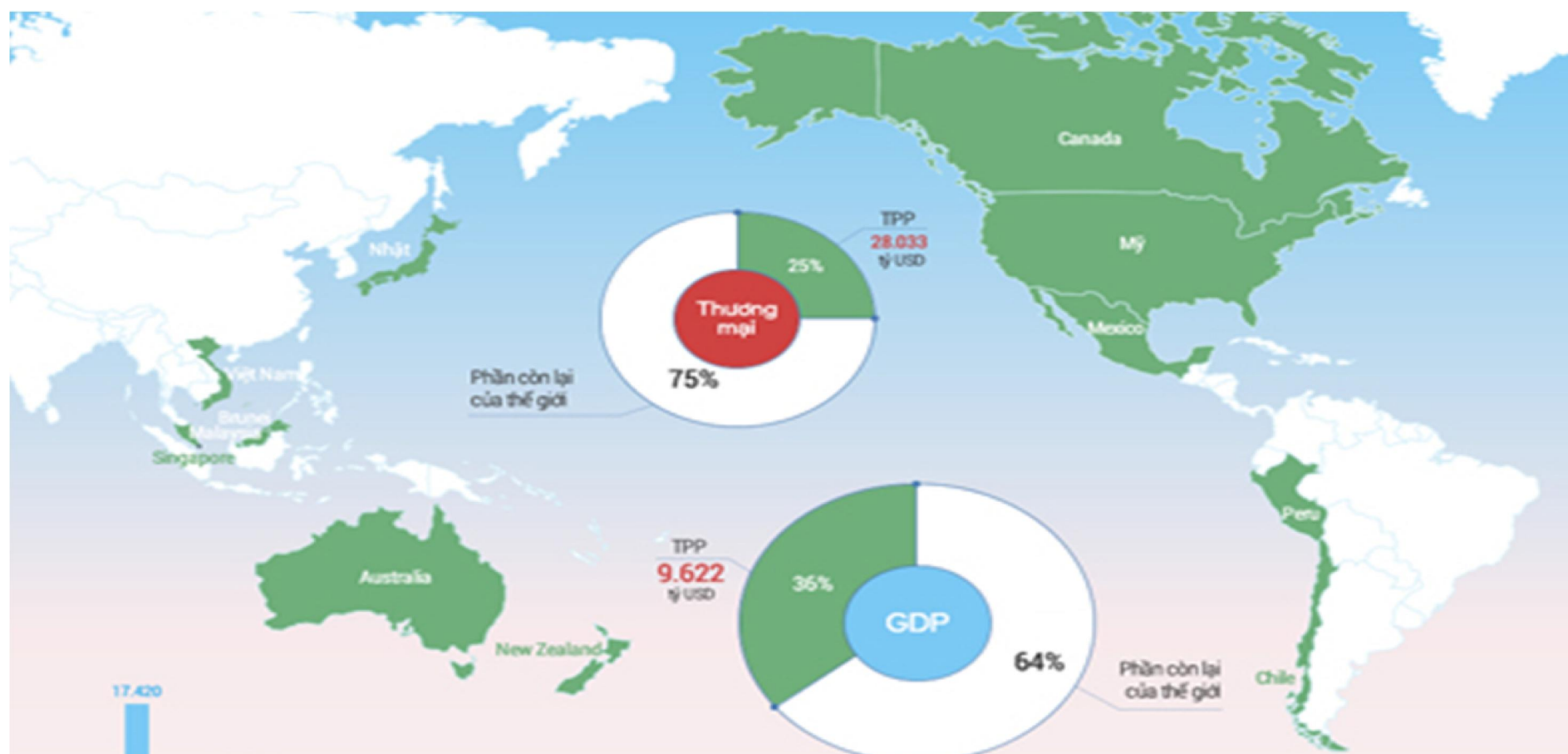
2 nước (800 triệu dân, 40% GDP toàn cầu: 28.000 tỷ USD), với những đối
TM quan trọng nhất của VN (Mỹ, Singapore, Nhật Bản, - Úc) // *[lưu ý: TQ, H
Quốc, Thái lan và Ấn độ chưa tham gia].*

là Hiệp định mẫu mực cho thế kỷ XXI (cam kết mạnh, toàn diện, đẳng cấp t
lo hóa cao, tác động phát triển lớn)

2 đối tác “cọc cạch” (khác nhau xa về tiềm lực và trình độ phát triển)

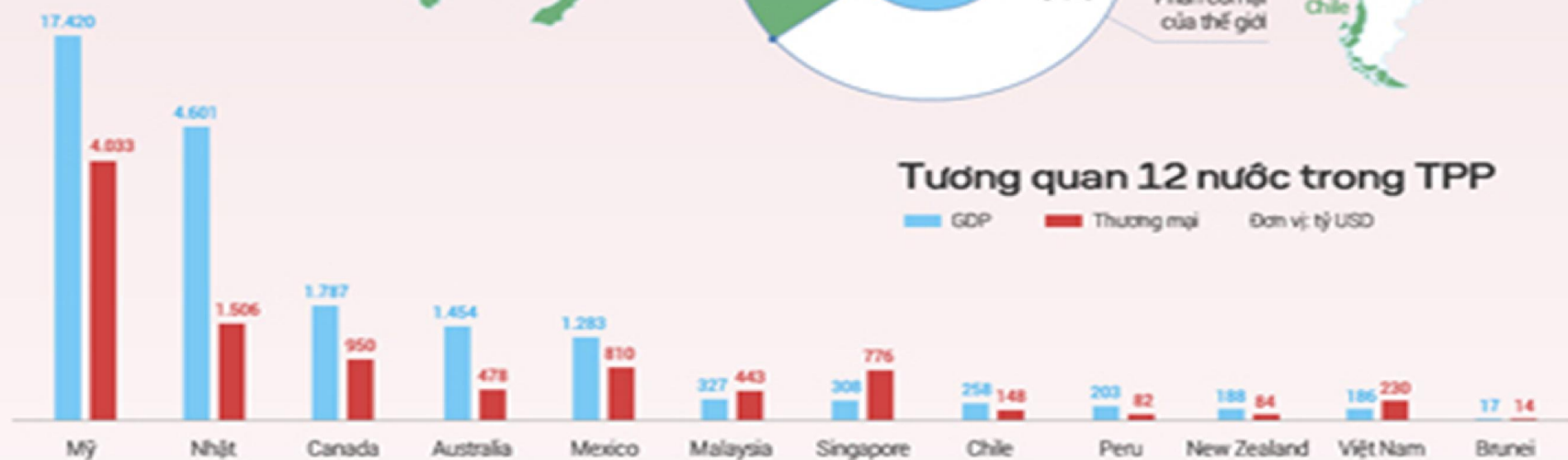
- 6 nước giàu, 6 nước đang phát triển,
- VN nghèo nhất, kém phát triển nhất => có khả năng được hưởng lợi n
nhất (?)

Hoa Kỳ là quốc gia dẫn đầu (chiếm 73% GDP, 51% xuất nhập khẩu hàng
lịch vụ trong số TPP12).



Tương quan 12 nước trong TPP

■ GDP ■ Thương mại Đơn vị: tỷ USD



Lục tiêu chính của TPP

Xóa bỏ hạn chế thương mại (thuế quan và các biện pháp sau biên giới) với hàng hóa, dịch vụ, đầu tư (thuế suất 0-5%)

Xây dựng quy chuẩn chung với các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, lao động, đầu tư, chính sách cạnh tranh, DNNN;

Xây dựng các quy tắc điều tiết của Chính phủ một cách hợp lý nhằm khuyến khích thương mại và đầu tư giữa các nước (ví dụ đơn giản quy trình chứng nhận hải quan).

ĐIỀU KIỆN VÀ THÁCH THỨC

- TPP đàm phán xong, công bố ngay các cam kết, các điều kiện ưu đãi, nhưng ràng buộc cải cách và đòi hỏi chuẩn bị các điều kiện rất khắt khe gây sức ép rất lớn (cho CP, DN và XH).
- Sức ép cải cách thể chế để đáp ứng chuẩn mực và thông lệ quốc tế giáng phá vỡ sức ỳ và sự chống trả từ những thói quen cũ
- Thuế quan giảm nhưng bất phi thuế quan tăng. Rào cản kỹ thuật (TBT) khắc nghiệt
- Xuất xứ hàng hóa

CƠ HỘI TPP CHO VIỆT NAM

- Bắt nguồn từ sự hình thành một thị trường lớn, đẳng cấp cao hơn và tự do hóa mạnh nhất: ➔ **VN đi sau, cơ hội bám được vào cấu trúc lớn (Hoa Kỳ, Nhật Bản) để**
 - i) thoát khỏi sự lệ thuộc nhập khẩu đầu vào (vào 1 quốc gia);
 - ii) để bay lên cùng các tuyến hội nhập.
- Thúc đẩy thương mại, hấp dẫn đầu tư.
- Thúc đẩy cải cách thể chế.
- Cục diện phát triển và thế an ninh

PHẠM VI TPP

TPP bao gồm 30 chương về TM và các vấn đề liên quan đến TM, từ TM hàng hóa đến hải quan và trợ giúp TM; biện pháp VS dịch tễ; rào cản KT đối với TM; biện pháp phòng vệ TM; đầu tư; dịch vụ; TM điện tử; mua sắm công; SH trí tuệ; môi trường; các chương “ngang” nhằm đảm bảo TPP tận dụng được các lợi thế năng lực phát triển, năng lực cạnh tranh, và sự toàn diện; giải quyết tranh chấp; các điều khoản ngoại lệ, và điều khoản thi hành.

TPP cập nhật các phương pháp truyền thống đối với vấn đề của các HĐTM. Trước đây, TPP còn đưa vào các vấn đề TM mới và các vấn đề xuyên suốt bao gồm các vấn đề liên quan đến Internet và nền kinh tế kỹ thuật số, sự tham gia của các DNNN trong đầu tư và TM quốc tế, khả năng của các DN nhỏ để tận dụng lợi thế của các HĐTM, và các chủ đề khác.

VIỆT NAM HƯỞNG LỢI GÌ?

N được hưởng lợi nhiều nhất khi gia nhập TPP:

i) Gia tăng TM với Mỹ, NB - thị trường lớn nhất TPP;

ii) FDI tăng, thúc đẩy phát triển kinh tế.

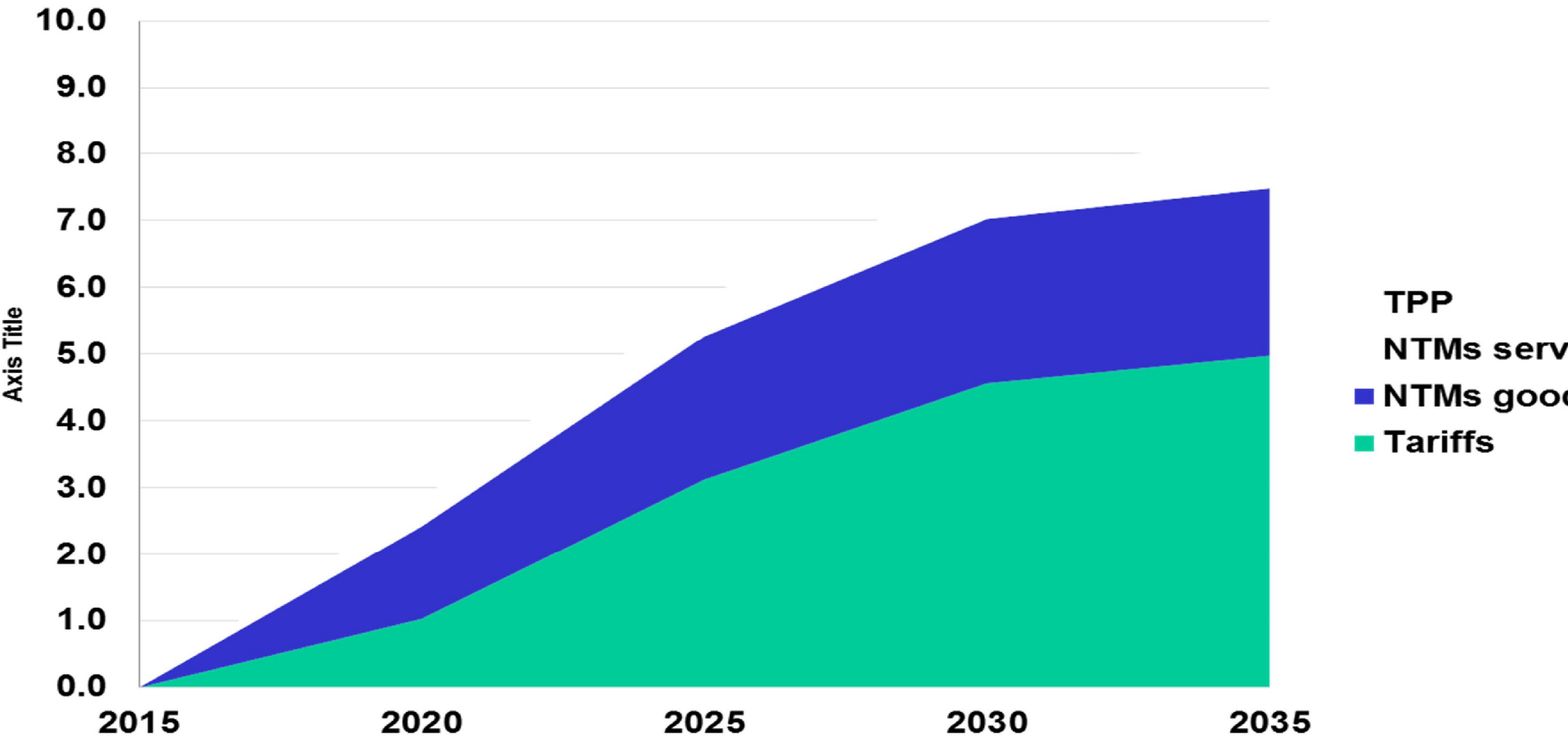
iii) Thuế quan TPP giảm, giúp VN gia tăng XK quần áo, giày dép, nông - hải sản. VN không phải cạnh tranh với TQ, Thailand, ... trong TPP.

gia nhập TPP giúp GDP của VN tăng 46 tỉ USD (13.6% - P.A. Petri, M.G. Summer, và F.Zhai -2012)

Trước khi TPP ký kết, GDP của VN sẽ tăng thêm 26,2 tỉ USD, sẽ tăng 37,5 tỉ USD nếu VN tham gia TPP.

Dự báo tác động TPP tới tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2015-2030

Cumulative percent difference from baseline



TPP CAM KẾT VỚI VIỆT NAM

- Các nước TPP cam kết mở cửa khá cao dành cho VN. Xét trên mặt bằng chung, **khoảng từ 78-95% số dòng thuế được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Các mặt hàng còn lại sẽ có lộ trình xóa bỏ thuế trong vòng 5-10 năm**, trừ một số mặt hàng nhạy cảm có lộ trình trên 10 năm hoặc áp dụng biện pháp hạn ngạch thuế quan...
- Nhiều mặt hàng XK chủ lực của VN vào thị trường TPP được hưởng thuế suất 0% ngay sau khi HĐ có hiệu lực hoặc sau 3-5 năm như nông sản, thủy sản, dệt may, giày dép, đồ gỗ, hàng điện, điện tử, cao su...

VN cam kết xóa bỏ gần 100% số dòng thuế NK

98% số dòng thuế có thuế suất 0% ngay khi Hiệp định TPP có hiệu lực; 95% số dòng thuế có thuế suất 0% vào năm thứ 4 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực; 97,8% số dòng thuế có thuế suất 0% vào năm thứ 11. Các mặt hàng còn lại cam kết xóa bỏ thuế NK với lộ trình xóa bỏ thuế tối đa vào năm thứ 16 hoặc theo hạn ngạch thuế quan.

Tài chính vừa công bố cam kết TPP trong lĩnh vực tài chính. Theo đó về thuế nhập khẩu, các mặt hàng như: Dệt may, giày dép, thịt gà, gạo, sữa và sản phẩm sữa, phân bón, nhựa và sản phẩm nhựa, hóa chất và sản phẩm hóa chất, giấy, gỗ, máy móc, thiết bị... thuế nhập khẩu sẽ về 0% ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực.

Một số loại ô tô mới sẽ xóa bỏ thuế vào năm thứ 13 (riêng ô tô con có dung tích xi lanh từ 3000cc trở lên có lộ trình xóa bỏ vào năm thứ 10).

DỆT MAY

Hiệp hội Dệt may VN kỳ vọng TPP sẽ mang về cho VN kim ngạch XK 30 tỉ USD vào năm 2020 và đạt 55 tỉ USD vào năm 2030.

Tuy nhiên, nhiều DN lớn ngành dệt may lo ngại khả năng tận dụng cơ hội từ TPP với nguyên tắc “yarn forward”. Vấn đề lớn.

- TPP4: 90% nội khối
- AFTA: 45-55% nội khối?
- TPP12?

Sẽ là vấn đề lớn cho VN. VN hiện là nhà cung cấp hàng may mặc lớn thứ 2 cho Mỹ, nhưng nhập sợi chủ yếu từ TQ và Hàn Quốc. => Đòi từ “Cắt” trở đi

ông nghiệp

TPP chiếm 30% XK, 20% nhập khẩu nông sản thế giới

Các vấn đề nhạy cảm đang thảo luận là: sản phẩm sữa, thịt bò, đường, gạo

Sữa: NZ, Úc, Hoa Kỳ xuất khẩu sữa, các nước khác có thuế suất cao
nhập khẩu sữa.

Đường: Úc đòi mở cửa, Hoa Kỳ từ chối mở cửa thị trường đường, VN
dùng thuế suất 5% với đường nhập khẩu từ ASEAN, 40% từ nơi khác

Thương lượng/nhân nhượng song phương

VIỆT NAM CẦN LÀM GÌ?

Định hướng chung

- Cơ hội rất lớn nhưng điều kiện thực thi nghiêm ngặt: cần năng lực cạnh tranh cao. Do đó, cần tháo gỡ mạnh mẽ các trói buộc thể chế, giải phóng lao động sáng tạo.
- Định hướng chuỗi sản xuất toàn cầu (tiêu chuẩn toàn cầu)
- Định hướng công nghệ cao.
- Hệ thống thể chế: hiện đại, theo thông lệ tốt của thế giới (vượt trội)

TẦM NHÌN DÀI HẠN

- Mục tiêu chiến lược đúng (phù hợp xu thế thời đại) và định vị rõ chân dung chức năng quốc gia trên bản đồ thế giới
- Tiến kịp thế giới để tiến cùng thời đại: tốc độ kết hợp nhảy vọt chất lượng
- “Thoát ta”, tiến khác để không lệ thuộc
- **IT và phương thức phát triển mới**
- **Du lịch đẳng cấp và tương lai của quốc gia nông nghiệp nhiệt đới gió mùa**
- **Cơ cấu DN: tư nhân là chủ lực, trụ cột cạnh tranh là các tập đoàn tư nhân hùng mạnh**

BA VẤN ĐỀ MẪU CHÓT

- Tầm nhìn và chính sách: cơ hội đột phá để tiến vượt lên về thể chế
- Tổ chức kinh tế: theo chuỗi (toàn cầu). Đặc biệt là nông nghiệp.
- Công nghệ hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế.

➡➡ Doanh nghiệp là nhân vật trung tâm - khởi nghiệp mới

NHỮNG GIẢI PHÁP LỚN

- Làm cho DN Việt Nam không thờ ơ với Hội nhập: i) bỏ thói quen phải dựa vào nhà nước; ii) bỏ thói quen lệ thuộc vào một vài thị trường “dễ tính” nhưng nhiều rủi ro.
- Cung cấp thông tin chuyên môn (kỹ thuật, thể chế) và chuyên sâu (sản phẩm) về hội nhập qua nhiều kênh, nhiều dạng thức.
- Cải cách nhà nước, cởi “trói” cho DN. Cần có chương trình phát triển DN quốc gia, chương trình khởi nghiệp quốc gia. Phát triển nhân lực và kết cấu hạ tầng.

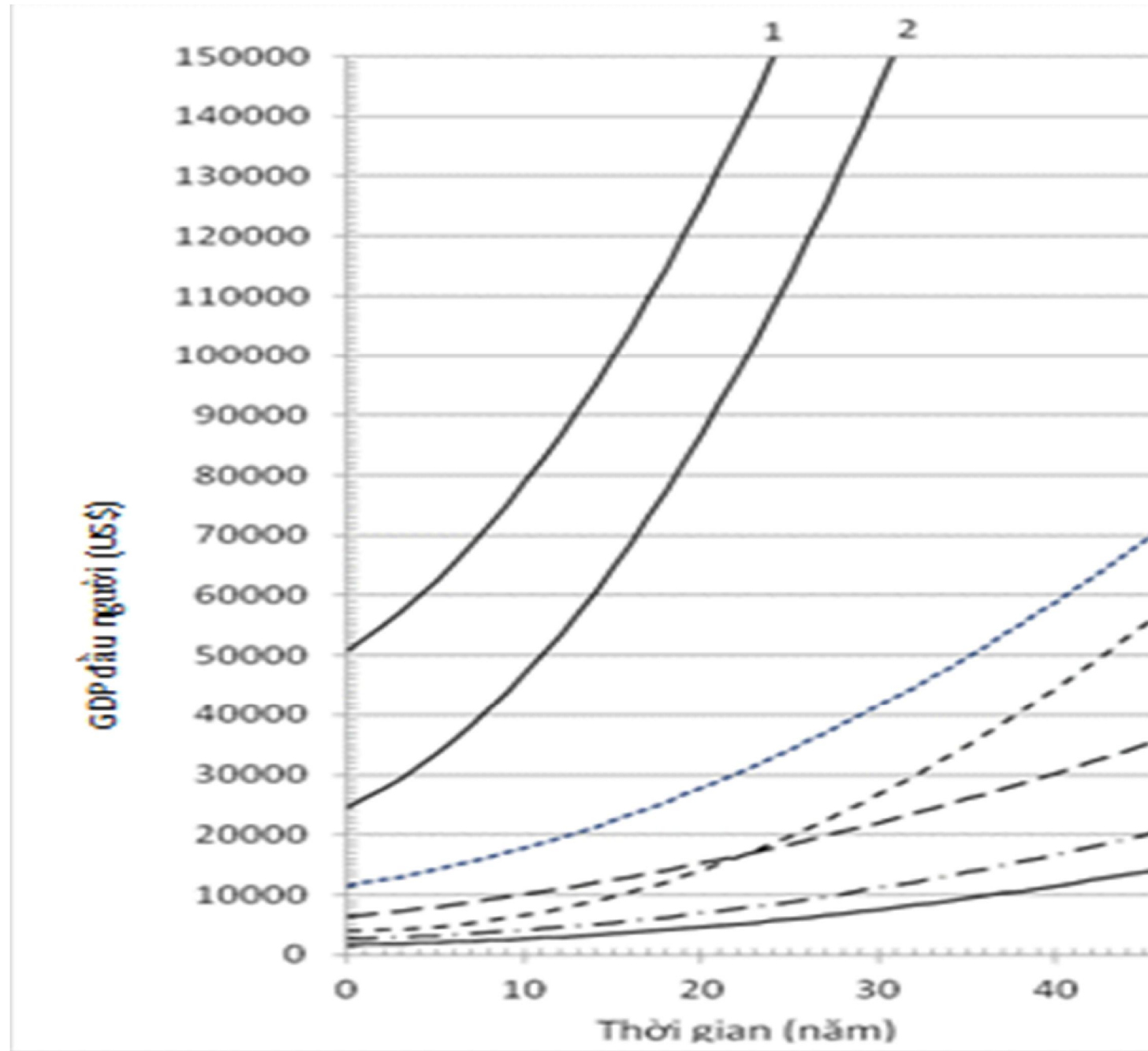
NG LẠI TỰ HẬU XA

DÁN GDP/NGƯỜI 50 NĂM
MỐC GỐC 2013)

- PORE (1),
- UỐC (2),
- ASIA (3),
- AN (4),
- ESIA (5),
- PINES (6)
- (7)

HEO TỐC ĐỘ TĂNG
NG GĐ 2002-2011

LIST OF COUNTRIES BY
ID FUTURE GDP (NOMINAL)
PITA



2011			2030		2050	
PPP rank	Country	GDP at PPP (2011 US\$bn)	Country	Projected GDP at PPP (2011 US\$bn)	Country	Projected GDP at PPP (2011 US\$bn)
1	US	15094	China	30634	China	53856
2	China	11347	US	23376	US	37998
3	India	4531	India	13716	India	34704
4	Japan	4381	Japan	5842	Brazil	8825
5	Germany	3221	Russia	5308	Japan	8065
6	Russia	3031	Brazil	4685	Russia	8013
7	Brazil	2305	Germany	4118	Mexico	7409
8	France	2303	Mexico	3662	Indonesia	6346
9	UK	2287	UK	3499	Germany	5822
10	Italy	1979	France	3427	France	5714
11	Mexico	1761	Indonesia	2912	UK	5598
12	Spain	1512	Turkey	2760	Turkey	5032
13	South Korea	1504	Italy	2629	Nigeria	3964
14	Canada	1398	Korea	2454	Italy	3867
15	Turkey	1243	Spain	2327	Spain	3612
16	Indonesia	1131	Canada	2148	Canada	3549
17	Australia	893	Saudi Arabia	1582	South Korea	3545
18	Poland	813	Australia	1535	Saudi Arabia	3090
19	Argentina	720	Poland	1415	Vietnam	2715
20	Saudi Arabia	686	Argentina	1407	Argentina	2620

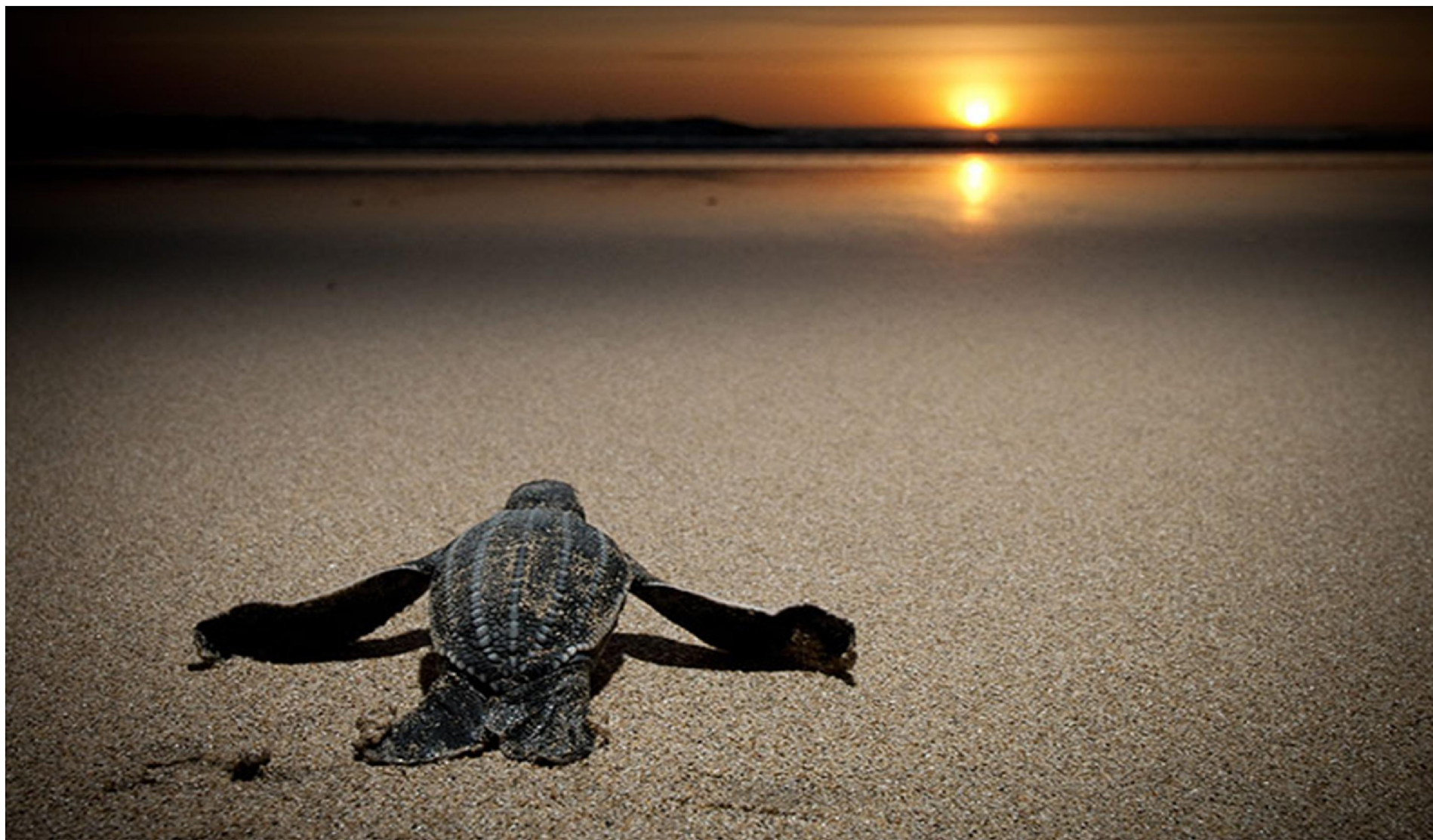
Source: World Bank estimates for 2011, PwC estimates for 2030 and 2050

Nguồn: http://www.pwc.com/my/en/press/130116-world_in_2050.jhtml



Cám ơn quý vị đã lắng nghe

ĐÓN RA BIỂN LỚN



Các thông tin và dữ liệu trong Slides được thu thập từ các nguồn:

PGS.TS. Trần Đình Thiên - Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam.

Văn phòng Dự án Năng lực Thương mại Việt Nam (TCV):

P. 603 – 604, Tầng 6, 65 Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Tel +84 (4) 62757026 ; Fax +84 (4) 38232786;

Email: tcv@vafie.org.vn

Website: tcv.vafie.org.vn ;

Ban quản lý Dự án EU-MUTRAP

Tel: (84 - 4) 3937 8472; Fax: (84 - 4) 3937 8476

Email: mutrap@mutrap.org.vn

Website: www.mutrap.org.vn

(tài liệu hội nghị có trên các trang web nêu trên)

**XIN CẢM ƠN
QUÝ VỊ ĐÃ LẮNG NGHE**

MEs cần phải làm gì?



HÃY LIÊN KẾT LẠI !!!

HÒA CHUNG THẾ MẠNH

HIỂU KỸ LUẬT CHƠI

NÂNG TẦM DOANH NGHIỆP

<http://vietnamexport.com/co-hoi-giao-thuong/cn8.html>

<http://www.customs.gov.vn/SitePages/Tariff.aspx>

<http://www.trungtamwto.vn/chuyen-de/vefta/dien-bien-dam-phan>

<http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban>

<http://fia.mpi.gov.vn/chuyenmuc/5/Dau-tu-ra-nuoc-ngoai>

<http://evbn.org/about/services/>

<http://exporthelp.europa.eu/thdapp/index.htm?newLanguageId=EN>